

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG
ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO HỌC SINH LỚP 3
TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH KHÁNH

Chủ nhiệm đề tài: LÃ THỊ THU TRANG
Lớp: D14 GDTH1
Ngành: Giáo dục tiểu học

NINH BÌNH, 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG
ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO HỌC SINH LỚP 3
TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH KHÁNH

Chủ nhiệm đề tài: LÃ THỊ THU TRANG

Các thành viên: LÊ THỊ HUYỀN TRANG

BÙI PHƯƠNG HIẾU

ĐINH THỊ KIM KHÁNH

Lớp: D14 GDTH1

Người hướng dẫn khoa học: ThS. NGUYỄN THỊ NGUYỆT

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

NINH BÌNH, 2023

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài	1
2. Tính cấp thiết của đề tài	3
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng nghiên cứu.....	4
5. Phạm vi nghiên cứu.....	4
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	5
NỘI DUNG	7
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG VÀ KỸ NĂNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO HỌC SINH TIỂU HỌC	7
1.1. Một số khái niệm công cụ.....	7
1.1.1. Khái niệm kỹ năng sống.....	7
1.1.1.1. Khái niệm kỹ năng sống	7
1.1.1.2. Phân loại kỹ năng sống	8
1.1.2. Khái niệm kỹ năng đảm bảo an toàn, kỹ năng phòng tránh bắt cóc	10
1.1.2.1. Kỹ năng đảm bảo an toàn.....	10
1.1.2.2. Kỹ năng phòng tránh bắt cóc	10
1.1.3 Quá trình hình thành kỹ năng.....	11
1.2. Một số đặc điểm tâm lý cơ bản của học sinh tiểu học	13
1.3. Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc của học sinh tiểu học.....	15
1.3.1. Khái niệm	15
1.3.2. Mục đích, ý nghĩa.....	16
1.3.3. Nội dung.....	17
1.3.4. Phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc.....	18
1.3.4.1. Các phương pháp giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc.....	18
1.3.4.2. Các hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc	19
1.3.4.3. Ý nghĩa của giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc	20
1.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh tiểu học.....	21
1.4.1. Yếu tố từ phía bản thân học sinh.....	21
1.4.2 Yếu tố nhà trường	22
1.4.3. Yếu tố gia đình	23
Kết luận chương 1	24

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG PHÒNG TRÁNH BẮT CÓC CHO HỌC SINH LỚP 3 TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH KHÁNH	26
2.1. Vài nét về Trường Tiểu học Ninh Khánh	26
2.2. Tổ chức khảo sát.	27
2.2.1. Mục đích khảo sát	27
2.2.2. Nội dung khảo sát.....	27
2.2.3. Cách thức, thời gian tiến hành khảo sát	27
2.2.4. Tiêu chí và thang đánh giá	28
2.2.4.1. Tiêu chí đánh giá.....	28
2.2.4.2. Thang đánh giá.....	30
2.3. Kết quả khảo sát	31
2.3.1. Nhận thức của giáo viên về sự cần thiết cần phải giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3.....	31
2.3.2. Thực trạng giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh.....	32
2.3.2.1. Các môn học và các hoạt động giáo dục có nội dung giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3.....	32
2.3.2.2. Các điều kiện cần có để giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3.....	34
2.3.2.3. Các hình thức giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường tiểu học Ninh Khánh	36
2.3.2.4. Các biện pháp gây hứng thú trong giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3.....	38
2.3.3. Kết quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc ở học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh	41
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh	47
2.5. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3.....	50
Kết luận chương 2	51
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	52
1. Kết luận	52
2. Kiến nghị.....	53
TÀI LIỆU THAM KHẢO	54
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Thang đánh giá kỹ năng phòng tránh bắt cóc ở học sinh lớp 3	31
Bảng 2.2. Các điều kiện cần có để thực hiện giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh	34
Bảng 2.3. Các hình thức giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh.....	36
Bảng 2.4. Các biện pháp gây hứng thú trong giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh.....	38
Bảng 2.5. Đánh giá của giáo viên về kết quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc ở học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh	41
Bảng 2.6. Đánh giá của giáo viên về mức độ tích cực trong học tập, rèn luyện kỹ năng phòng tránh bắt cóc của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh	42
Bảng 2.7. Tự đánh giá của học sinh về thái độ của bản thân khi học kỹ năng phòng tránh bắt cóc	43
Bảng 2.8. Tự đánh giá của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh về các hoạt động được tham gia trong khi học kỹ năng phòng tránh bắt cóc	44
Bảng 2.9. Tự đánh giá của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh về nhận thức và kỹ năng phòng tránh bắt cóc của bản thân	45
Bảng 2.10. Kết quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh.....	47
Bảng 2.11. Những khó khăn trong quá trình tổ chức HĐGD kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh	48

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Viết đầy đủ
KNS	: Kỹ năng sống
GDKNS	: Giáo dục kỹ năng sống
HS	: Học sinh
GV	: Giáo viên
GD&ĐT	: Giáo dục và đào tạo
HSTH	: Học sinh tiểu học
Nxb	: Nhà xuất bản
ThS	: Thạc sỹ
TBC	: Trung bình chung
GDPT	: Giáo dục phổ thông
TC	: Tiêu chí
%	: Phần trăm

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài

Vấn đề kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống được nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu. Thuật ngữ kỹ năng sống (KNS) được người Việt Nam bắt đầu biết đến từ chương trình của UNICEF năm 1996 “Giáo dục kỹ năng sống để bảo vệ sức khỏe và phòng chống HIV/AIDS cho thanh thiếu niên trong và ngoài nhà trường”.

Năm 2003, hội thảo “Chất lượng giáo dục và kỹ năng sống” do UNESCO tài trợ được tổ chức thì khái niệm kỹ năng sống được hiểu với nội hàm đầy đủ và đa dạng. Khái niệm KNS của tổ chức này dựa trên 4 trụ cột của giáo dục: học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để làm người.

Ở một số quốc gia như Lào, Campuchia, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ, KNS được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, được đào tạo trong trường học. Các tác giả cho rằng KNS là khả năng của cá nhân có thể giải quyết những vấn đề trong đời sống hàng ngày để an toàn và hạnh phúc. Họ cũng chỉ ra 10 KNS cơ bản người học cần có: Ra quyết định, giải quyết xung đột, sáng tạo, phân tích và đánh giá, giao tiếp, quan hệ liên nhân cách, làm chủ cảm xúc, làm chủ được những cú sốc, đồng cảm, thực hành.

Mặt khác, KNS được coi như là một phương thức để ứng phó hay là những kỹ năng cần thiết để tồn tại. Cách phân biệt KNS cũng có những điểm khác biệt.

Ở Việt Nam, một số công trình nghiên cứu về giáo dục kỹ năng sống ở nhiều góc độ khác nhau của các tác giả Mạc Văn Trang, Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Thị Thanh Mai, Lê Hồng Sơn, Nguyễn Thị Tính...Tác giả Nguyễn Thanh Bình đã mô tả sinh động đầy đủ, hệ thống về các nội dung GDKNS cụ thể cũng như cách hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục nhằm hình thành các KNS cốt lõi cho học sinh tiểu học.

KNS được chia thành các nhóm, các loại khác nhau dựa trên các tiêu chí nhất định, trong đó có kỹ năng đảm bảo an toàn. Nghiên cứu về giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho trẻ em, có các tác giả khai thác ở các phương diện khác nhau, trong đó có đề cập đến kỹ năng phòng tránh xâm hại trẻ em, phòng chống đuối nước, phòng chống bắt cóc và xâm hại trẻ em. Năm 1999, tác giả Lê Văn Cương và cộng sự nghiên cứu về “Tội phạm và vấn đề chống tội phạm lứa tuổi vị thành niên”. Nghiên cứu tập trung tìm hiểu thực trạng tỉ lệ các em nhỏ bị

xâm hại bằng nhiều cách thức khác nhau. Năm 2017, ThS, BS Nguyễn Lan Hải với tài liệu Cẩm nang giáo dục giới tính giúp trẻ tránh bị xâm hại, Nxb Phụ nữ đã nghiên cứu vấn đề trẻ em bị xâm hại và biện pháp hỗ trợ phòng tránh xâm hại ở trẻ em. PGS.TS. Lê Hồng Minh, TS Lê Trọng Thuyết (2016), Tư vấn học đường – những vấn đề căn bản, tập 1,2, Nxb Thanh Niên đề cập đến công tác tư vấn tâm lý học đường trong trường phổ thông, chỉ ra các mô hình hỗ trợ tâm lý học đường đảm bảo môi trường an toàn cho HS.

Tác giả Nguyễn Thanh Ngân (2017), nghiên cứu và công bố cuốn sách Các biện pháp ứng phó với tình huống nguy hiểm, Nxb Thông tin và Truyền thông đã đề cập đến kỹ năng và biện pháp ứng phó với tình huống nguy hiểm. PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn (chủ biên) (2018), xuất bản cuốn Tài liệu bồi dưỡng năng lực cho cán bộ, GV làm công tác tư vấn tâm lý trong trường phổ thông, chỉ ra các nội dung liên quan đến hỗ trợ tâm lý học đường, đảm bảo an toàn cho trẻ em.

Một số tác giả nghiên cứu giáo dục phòng tránh xâm hại trẻ em, điển hình là tác giả Bùi Thị Loan với nghiên cứu *Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống* (2021), Luận án tiến sỹ giáo dục học đề cập đến các vấn đề lý luận về phòng chống xâm hại tình dục, giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học, đề xuất và thực nghiệm các biện pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục trẻ em. Có thể nói các tác giả đã nghiên cứu đến những vấn đề lý luận về kỹ năng đảm bảo an toàn, giáo dục đảm bảo an toàn cho HS.

Ở trường Đại học Hoa Lư đã có một số công trình nghiên cứu về giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non. Năm 2016, tác giả Dương Thị My với khóa luận tốt nghiệp *Tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học*. Cùng thời điểm đó, tác giả Đinh Thị Linh nghiên cứu *Thực trạng giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động góc ở trường mầm non Đức Long - Nho Quan*.

Hiện nay, xuất hiện tình trạng các vụ bắt cóc trẻ em xâm phạm nghiêm trọng đến quyền trẻ em, trực tiếp gây ra những tâm lý hoang mang, lo sợ, ảnh hưởng xấu đến quá trình phát triển cũng như để lại hậu quả lâu dài cho trẻ, ảnh hưởng đến an toàn xã hội. Tuy nhiên, ở Trường Đại học Hoa Lư, Trường Tiểu học Ninh Khánh vẫn chưa có nghiên cứu nào về giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh tiểu học, do đó, nhóm tác giả nghiên cứu vấn đề này trên cơ sở

đánh giá thực trạng nhằm mục đích tìm ra những biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục phòng tránh bắt cóc trẻ em, đảm bảo an toàn và sự phát triển cho trẻ em nói chung, học sinh tiểu học nói riêng.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Kỹ năng sống là khả năng để có hành vi thích ứng và tích cực, giúp các cá nhân có thể ứng xử hiệu quả trước các nhu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày. Giáo dục KNS cho trẻ em là một trong những nội dung giáo dục quan trọng của nhà trường, các cơ sở giáo dục nhằm trang bị kiến thức, hình thành cho cá nhân kỹ năng ứng phó tích cực với những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.

Hiện nay, ở các nước trên thế giới nói chung và ở nước ta nói riêng, việc giáo dục kỹ năng sống nói chung, kỹ năng đảm bảo an toàn cho trẻ em là một trong những nội dung giáo dục toàn diện trong trường học, là nhiệm vụ cấp thiết của gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội. Quá trình giáo dục kỹ năng sống đã được thực hiện trong trường tiểu học phù hợp với điều kiện thực tế, với đặc điểm tâm sinh lý học sinh nhằm trang bị cho HS hiểu biết cơ bản để vận dụng trong học tập, sinh hoạt. Tuy nhiên, trên thực tế, giáo dục kỹ năng sống cho HS ở từng khối lớp còn gặp khó khăn, giáo viên chủ yếu trang bị kiến thức, hiểu biết, còn việc áp dụng các phương pháp, hình thức tổ chức chưa linh hoạt, quá trình rèn luyện kỹ năng cho từng cá nhân học sinh còn hạn chế, đôi khi mang tính hình thức. Căn cứ mục tiêu, chương trình, điều kiện thực tế của nhà trường, học sinh, nội dung giáo dục KNS cho mỗi khối lớp ở tiểu học có đặc thù riêng được phân bổ gắn với các chủ đề và hệ thống học liệu được cung cấp. Hiện nay, ở các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã tổ chức các hoạt động giáo dục KNS, kỹ năng đảm bảo an toàn, kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ em chủ yếu tập trung các vấn đề như: nhận thức về bắt cóc trẻ em, nguy cơ bị bắt cóc, nhận diện các đối tượng thực hiện hành vi bắt cóc, biện pháp phòng tránh bắt cóc, thoát hiểm,... Hầu hết các nội dung triển khai chủ yếu chỉ dừng lại ở giáo dục nhận thức. Do đó, vấn đề giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cần tiếp tục nghiên cứu, trên cơ sở đó phân tích thực trạng, tìm ra nguyên nhân và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục an toàn cho học sinh nói chung và giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh tiểu học nói riêng là nhiệm vụ quan trọng của nhà trường, gia đình và xã hội để các em sống an toàn hạnh phúc. Giáo dục hình thành kỹ năng sống giúp trẻ em hiểu, biến những kiến thức về kỹ năng sống thành hành động cụ thể trong quá trình hoạt động thực tiễn của bản thân, trong

các mối quan hệ với người khác, với xã hội, giúp các em ứng phó tích cực trước những tình huống nảy sinh trong học tập, giao tiếp, vui chơi; học cách giao tiếp, ứng xử với mọi người, giải quyết mâu thuẫn trong mối quan hệ và thể hiện bản thân một cách tích cực... giúp trẻ phát triển hài hòa, toàn diện về nhân cách. Mặt khác, việc giáo dục hình thành kỹ năng sống, kỹ năng đảm bảo an toàn, kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh tiểu học là sự chuẩn bị cho các em thích ứng với sự biến đổi trong cuộc sống, đặc biệt là bước ngoặt trong môi trường học tập mới ở trường tiểu học, học sinh tiểu học có thể giúp chúng tự chủ, tự tin trong cuộc sống, phát huy thế mạnh cá nhân; rèn luyện những phẩm chất đạo đức tốt, biết ứng xử đúng mực, linh hoạt trong những tình huống khó khăn của cuộc sống; giúp trẻ ý thức và có năng lực thực hiện bổn phận cũng như bảo vệ quyền trẻ em, bảo vệ mình trước những vấn đề của xã hội có nguy cơ ảnh hưởng đến cuộc sống an toàn, lành mạnh của các em, phòng ngừa những hành vi có hại cho sự phát triển của bản thân. Ngày nay, hiện tượng trẻ em bị bắt cóc vẫn xảy ra, trong một số trường hợp kẻ bắt cóc làm tổn hại đến thể chất, tinh thần của trẻ em, đặc biệt là nguy hiểm đến tính mạng trẻ em và những người thân xung quanh, gây nên mất an toàn, an ninh xã hội, gây tâm trạng bất an cho bất cứ cá nhân nào. Mặt khác, Trường Đại học Hoa Lư, Trường Tiểu học Ninh Khánh chưa có công trình hoặc công bố nào nghiên cứu giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho trẻ em, do đó, với mong muốn nghiên cứu thực trạng giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho trẻ em, phân tích nguyên nhân ảnh hưởng, từ đó tìm ra các biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục KNS nói chung, kỹ năng đảm bảo an toàn cho HS nói riêng, chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu: “Thực trạng giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho HS lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh”.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho học sinh lớp 3.

4. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh.

5. Phạm vi nghiên cứu

Thực trạng giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh trong giờ giáo dục kỹ năng sống.

Nghiên cứu được tiến hành ở 3 lớp 3B, 3C, 3E gồm 110 HS, trong đó, phỏng vấn, khảo sát bằng bài tập đánh giá 40 HS của lớp 3C; 10 GV đã và đang dạy lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình.

Thời gian thực hiện: từ tháng 12/2022- 9/2023

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Lý thuyết - Thực trạng - Giải pháp

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận

Các phương pháp phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa các vấn đề có liên quan đến đề tài nhằm xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài.

6.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

* Phương pháp điều tra:

Dùng phiếu điều tra nhằm tìm hiểu thực trạng giáo dục KN phòng tránh bắt cóc, các biện pháp giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 của giáo viên Trường Tiểu học Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình.

* Phương pháp nghiên cứu sản phẩm:

Nghiên cứu kế hoạch giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình.

Nghiên cứu kết quả đạt được ở học sinh lớp 3 về nhận thức, hiểu rõ kỹ năng phòng tránh bắt cóc.

* Phương pháp quan sát:

- Quan sát quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc của giáo viên cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình nhằm tìm hiểu về việc thực hiện giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ em.

- Quan sát thái độ, hành vi của HS lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình trong quá trình tham gia hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc.

* Phương pháp đàm thoại:

Trò chuyện, trao đổi với giáo viên tiểu học và học sinh về những vấn đề có liên quan đến việc giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho HS lớp 3 để tìm hiểu thêm các thông tin liên quan đến nhận thức, thái độ của giáo viên, học sinh đối với việc giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho HS lớp 3, kết quả đạt được ở HS sau quá trình giáo dục.

6.2.3. Phương pháp thống kê toán học

Chúng tôi sử dụng thống kê toán học để xử lý số liệu thu được trong quá trình khảo sát.

Các phương pháp được chúng tôi sử dụng phối kết hợp linh hoạt trong quá trình nghiên cứu.

NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG VÀ KỸ NĂNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

1.1. Một số khái niệm công cụ

1.1.1. Khái niệm kỹ năng sống

1.1.1.1. Khái niệm kỹ năng sống

Cho đến nay có rất nhiều công trình nghiên cứu về KNS ở các phương diện khác nhau:

Theo quan điểm của UNESCO, KNS là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày. [1, 11]

Theo quan điểm của WHO (1993), KNS là những kỹ năng mang tính tâm lý xã hội và kỹ năng về giao tiếp được vận dụng trong những tình huống hằng ngày để tương tác một cách hiệu quả với người khác, giúp các cá nhân có thể ứng xử hiệu quả trước các nhu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày [1, 11]. Quan niệm này mang tính khái quát và nhấn mạnh khả năng của mỗi cá nhân nhằm thích nghi và cao hơn là đáp ứng tích cực trước những đòi hỏi và yêu cầu của cuộc sống hàng ngày mà cá nhân đó phải đối diện. Đó cũng là khả năng của một cá nhân để duy trì một trạng thái khỏe mạnh về một tinh thần, biểu hiện qua các hành vi phù hợp và tích cực khi tương tác với người khác, với nền văn hóa và môi trường xung quanh.

Theo quan điểm của UNICEF, KNS được phân tích và nhìn nhận đến việc con người tham gia và giải quyết các tình huống trong cuộc sống hàng ngày KNS gắn liền với năng lực của cá nhân khi tham gia giải quyết các tình huống nảy sinh trong cuộc sống dựa trên vốn hiểu biết, thái độ, quan điểm và sự trải nghiệm của bản thân. Như vậy, KNS được thực hiện trên nền tảng của giá trị sống của con người.

Theo từ điển Tiếng Việt, KNS là tập hợp các kỹ năng mà con người có được thông qua việc học hoặc trải nghiệm trực tiếp trong cuộc sống, dùng để giải quyết những vấn đề mà con người thường phải đối mặt trong cuộc sống hàng ngày.

Tuy cách diễn đạt về KNS khác nhau, cũng như cách hiểu nội hàm của khái niệm theo nghĩa rộng hẹp khác nhau, nhưng có thể thấy có sự thống nhất hiểu KNS thuộc về phạm trù năng lực, hiểu kỹ năng theo nghĩa rộng (chứ không

phải là phạm trù thuộc kỹ thuật của hành động, hành vi thiếu kỹ năng theo nghĩa hẹp). Kỹ năng theo nghĩa rộng là năng lực bao hàm cả nhận thức, thái độ và hành vi hành động trong lĩnh vực đó.

Nếu hiểu KNS là năng lực (tổng hòa cả kiến thức, thái độ và hành vi) theo nghĩa rộng thì KNS là khả năng áp dụng những hiểu biết và kỹ năng để thực hiện/ giải quyết có hiệu quả các vấn đề cả trong những tình huống mới. Còn hiểu kỹ năng sống là khả năng tâm lý xã hội đề cập tới khả năng của con người biểu hiện những cách ứng xử đúng hoặc chính xác khi tương tác với người khác hoặc trong các tình huống khác nhau của môi trường xung quanh dựa trên nền tảng văn hóa nào đó. KNS vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội.

KNS thể hiện ở những cách ứng xử, giao tiếp và giải quyết vấn đề hiệu quả, nhưng những hành vi, hành động đó phải mang tính tích cực và mang tính xây dựng. KNS có mối quan hệ chặt chẽ với giá trị, giá trị sống. Giá trị là gốc, trên cơ sở đó phát triển KNS, chi phối cách ứng xử, giải quyết vấn đề bằng tổ hợp các KNS cần thiết trong từng tình huống của cuộc sống.

KNS là những kỹ năng mang tính cá nhân và xã hội cần thiết đối với thanh thiếu niên giúp họ có khả năng học tập tốt hơn, ứng xử một cách tự tin đồng thời là một phương sách để hoàn thiện bản thân mình trước mọi người. Đồng thời, KNS cũng giúp biến kiến thức thành những hành động cụ thể, những thói quen lành mạnh. Họ thường thành công hơn trong cuộc sống, luôn yêu đời và làm chủ cuộc sống của họ.

Như vậy, tuy có nhiều cách biểu đạt KNS với quan niệm rộng hẹp khác nhau tùy theo cách tiếp cận vấn đề. Trong đề tài này, chúng tôi lựa chọn khái niệm của UNESCO để đưa ra khái niệm KNS vì khái niệm này phù hợp với việc nghiên cứu giáo dục KNS cho HS tiểu học trong nhà trường: “KNS là khả năng để có hành vi thích ứng và tích cực giúp các cá nhân có thể ứng xử hiệu quả trước các nhu cầu thách thức của cuộc sống hàng ngày”.

1.1.1.2. Phân loại kỹ năng sống

Quan niệm về KNS rất đa dạng, cho nên cách phân loại KNS cũng khá phong phú. Theo tổng hợp của tác giả Nguyễn Thanh Bình hiện nay có 4 cách phân loại KNS cơ bản sau:

Thứ nhất: Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO). Dựa vào các phương diện nhận thức, xúc cảm và quan hệ xã hội của con người, WHO đã chia KNS thành 3 nhóm dưới đây: 1) Kỹ năng nhận thức bao gồm các kỹ năng cụ thể như: Tư duy phê phán, tư duy phân tích, khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề, nhận thức

hậu quả, ra quyết định, tự nhận thức, đặt mục tiêu, xác định giá trị ... 2) Kỹ năng đương đầu với xúc cảm bao gồm: ý thức trách nhiệm, cam kết, kiềm chế căng thẳng, kiểm soát được cảm xúc, tự quản lí, tự giám sát và tự điều chỉnh,...3) Kỹ năng xã hội hay kỹ năng tương tác bao gồm giao tiếp; tính quyết đoán, thương thuyết, từ chối, hợp tác; sự cảm thông, chia sẻ, khả năng nhận thấy sự thiện cảm của người khác.

Thứ hai: UNESCO thừa nhận cách phân loại của WHO và coi những KNS trong 3 nhóm đó là những KNS chung, ngoài ra còn có những KNS được thể hiện trong những bối cảnh cụ thể khác nhau trong đời sống xã hội như: Vệ sinh thực phẩm, sức khỏe, dinh dưỡng; Các vấn đề về giới tính, sức khỏe sinh sản; Ngăn ngừa và chăm sóc người bệnh HIV/AIDS; Phòng tránh rượu, thuốc lá và ma túy; Ngăn ngừa thiên tai, bạo lực và rủi ro. Bên cạnh đó, UNESCO còn thấy sự tương đồng giữa KNS và 4 trụ cột của giáo dục thế kỉ XXI, đó là: Học để biết gồm các kỹ năng tư duy như tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, ra quyết định, giải quyết vấn đề, nhận thức được hậu quả; Học làm người gồm các kỹ năng cá nhân như ứng phó với căng thẳng, kiểm soát cảm xúc, tự nhận thức, xác định giá trị, kiên định, tự tin; Học để cùng chung sống gồm các kỹ năng xã hội như: giao tiếp, thương lượng, tự khẳng định, hợp tác, giải quyết mâu thuẫn, thể hiện sự cảm thông; Học để làm gồm kỹ năng thực hiện công việc và các nhiệm vụ như: kỹ năng đặt mục tiêu, đảm nhận trách nhiệm...

Thứ ba: Cách phân loại của tổ chức Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF). Với mục đích là giúp cho người học có những kỹ năng ứng phó với các vấn đề của cuộc sống và tự hoàn thiện mình, UNICEF đưa ra cách phân loại KNS gồm 3 nhóm như sau: 1) Kỹ năng nhận biết và sống với chính mình gồm có: (Kỹ năng tự nhận thức, lòng tự trọng, sự kiên định, đương đầu với cảm xúc, với căng thẳng...) 2) Những kỹ năng nhận biết và sống với người khác gồm: (Kỹ năng quan hệ tương tác liên nhân cách sự cảm thông thấu cảm, đứng vững trước áp lực tiêu cực của bạn bè hoặc của người khác, thương lượng, giao tiếp có hiệu quả...) 3) Các kỹ năng ra quyết định một cách hiệu quả bao gồm (Tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, ra quyết định giải quyết vấn đề). [1, 15-16]

Thứ tư: Theo tiếp cận lý thuyết của Bloom về đánh giá kết quả học tập của HS cần dựa trên 3 khía cạnh nhận thức, thái độ tình cảm và kỹ năng nên đã phân loại KNS thành 3 nhóm sau: 1) Nhóm các kỹ năng thuộc lĩnh vực nhận thức (kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy phê phán). 2) Nhóm các kỹ năng thuộc lĩnh vực tình cảm (kỹ năng tự nhận thức và thấu cảm, tự trọng và trách nhiệm xã

hội). 3) Nhóm các kỹ năng thuộc lĩnh vực tâm vận động (kỹ năng quan hệ liên nhân cách, giao tiếp có hiệu quả, ra quyết định, giải quyết vấn đề, đương đầu với cảm xúc và căng thẳng).

1.1.2. Khái niệm kỹ năng đảm bảo an toàn, kỹ năng phòng tránh bất cóc

1.1.2.1. Kỹ năng đảm bảo an toàn

An toàn là được bảo vệ, tránh được các nguy cơ đe dọa cuộc sống, tránh được mọi sự sợ hãi, lo lắng, được ổn định để phát triển... là một trong những nhu cầu cơ bản trong hệ thống nhu cầu của con người.

An toàn: yên ổn hẳn, tránh được tai nạn, tránh được thiệt hại [15, 5]

Đối với trẻ em, người lớn cần bảo đảm an toàn vật chất tuyệt đối, tránh lửa, nước sôi, điện, ngã từ cao...

Theo Hoàng Phê trong Từ điển Tiếng Việt: Đảm bảo (như bảo đảm) nghĩa là làm cho chắc chắn thực hiện được, giữ gìn được, hoặc có đầy đủ những gì cần thiết hoặc chắc chắn không có gì đáng ngại [15, 38,282]

Từ các khái niệm “đảm bảo” [15, 36] và “an toàn” [15, 5], chúng tôi thống nhất sử dụng khái niệm như sau:

Đảm bảo an toàn cho HS tiểu học là việc giữ gìn chắc chắn, đầy đủ sự yên ổn của bản thân, tránh những tai nạn, những thiệt hại, rủi ro, những sự cố, những tác động bên ngoài mang tính nguy hiểm lên thân thể và có hại về mặt tinh thần cho các em gia đình, nhà trường, xã hội.

Kỹ năng đảm bảo an toàn là những kỹ năng giúp cá nhân bảo vệ bản thân và người xung quanh khỏi những rủi ro, nguy hiểm có thể xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, làm việc và hoạt động ngoài trời. Đây là một phần quan trọng của việc giáo dục và phát triển bản thân.

Kỹ năng đảm bảo an toàn cho HS tiểu học là các kỹ năng và kiến thức cần thiết để giúp trẻ em bảo vệ bản thân khỏi những nguy hiểm có thể xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. Việc giáo dục và trang bị những kỹ năng này cho học sinh tiểu học giúp họ tự tin hơn trong việc đối mặt với các tình huống khó khăn và phòng tránh tai nạn không đáng có.

Giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho HS tiểu học là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục tới người được giáo dục nhằm hình thành và phát triển HS tiểu học những hiểu biết, thái độ đúng đắn, kỹ năng đảm bảo an toàn cho bản thân và mọi người xung quanh.

1.1.2.2. Kỹ năng phòng tránh bất cóc

Kỹ năng phòng tránh bắt cóc là khả năng con người vận dụng những kiến thức để nhận diện, đồng thời biết cách ứng phó kịp thời trước nguy cơ trở thành nạn nhân của một vụ bắt cóc. Hay nói cách khác, kỹ năng phòng tránh bắt cóc của HS tiểu học là khả năng HS vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm của mình để nhận diện, biết cách ứng phó kịp thời trước những hoàn cảnh nguy hiểm để bản thân được an toàn.

Để phòng tránh bắt cóc cho HS tiểu học, cần trang bị cho HS kiến thức và các kỹ năng sau:

- Không đi cùng người lạ
- Không tiếp nhận quà từ người lạ
- Biết số điện thoại của cha mẹ và người thân
- Học cách cầu cứu
- Nói chuyện với người lớn tin cậy
- Hành động nhanh nhạy
- Luôn đi theo nhóm
- Tự tin và quyết đoán

Trang bị những kỹ năng này cho HS giúp họ tự tin hơn trong việc đối mặt với các tình huống nguy hiểm và phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc. Cha mẹ và giáo viên đóng một vai trò quan trọng trong việc giáo dục và hỗ trợ các em trong quá trình này.

1.1.3 Quá trình hình thành kỹ năng

* Sự hình thành kỹ năng:

- Kỹ năng là cái không phải sinh ra đã có của mỗi người, nó là sản phẩm của hoạt động thực tiễn, là kết quả của một quá trình luyện tập.

- Các giai đoạn hình thành kỹ năng :

Trên thế giới, đến nay có nhiều trường phái, nhiều cách quan niệm khác nhau về kỹ năng và sự hình thành kỹ năng. Muốn hình thành kỹ năng về một lĩnh vực hoạt động nào đó, con người phải luyện tập theo một quy trình nhất định. K.K. Platônôp đưa ra 5 giai đoạn hình thành kỹ năng như sau:

• Giai đoạn 1: Giai đoạn kỹ năng sơ đẳng: con người ý thức được mục đích hành động và tìm kiếm cách thực hiện hành động dựa trên vốn hiểu biết, kinh nghiệm sống. Hành động được thực hiện bằng cách “thử” và “sai”.

• Giai đoạn 2: Biết cách làm nhưng không đầy đủ. Có hiểu biết về phương thức thực hiện hành động; vận dụng các kỹ xảo đã có, nhưng không phải những kỹ xảo chuyên biệt dành cho hành động này.

- Giai đoạn 3: Có kỹ năng chung nhưng còn mang tính riêng lẻ.
- Giai đoạn 4: Có kỹ năng phát triển cao, sử dụng sáng tạo vốn hiểu biết và các kỹ xảo đã có, ý thức được không chỉ mục đích hành động mà còn cả động cơ lựa chọn cách thức đạt mục đích.

- Giai đoạn 5: Sử dụng sáng tạo các kỹ năng khác nhau.

Ở Việt Nam, tác giả Trần Quốc Thành trong luận án Tiến sĩ Tâm lí học năm 1992 đã đưa ra 3 giai đoạn hình thành kỹ năng như sau :

- Giai đoạn 1: Nhận thức đầy đủ về mục đích, cách thức, điều kiện hành động.

- Giai đoạn 2: Quan sát mẫu và làm thử theo mẫu.

- Giai đoạn 3: Luyện tập để tiến hành các hành động theo đúng yêu cầu nhằm đạt mục đích đặt ra.

Theo tác giả Đinh Văn Đáng: Kỹ năng được hình thành trong hoạt động. Việc luyện tập đạt kết quả cao hay thấp phụ thuộc nhiều yếu tố: Điều kiện luyện tập, tính hệ thống của quá trình luyện tập, sự nỗ lực của cá nhân [5, 9].

Như vậy, có 3 giai đoạn hình thành kỹ năng đảm bảo an toàn cho học sinh tiểu học

- Giai đoạn 1: Nhận thức: Mục tiêu của giai đoạn này là giúp người học nhận thức đầy đủ về khái niệm, quy trình, cách thức, điều kiện thực hiện hành động. Giai đoạn này chủ yếu là nắm vững lí thuyết, chưa hành động thực sự.

Ở giai đoạn này, giáo viên bồi dưỡng, nâng cao nhận thức làm cơ sở cho hành động: phải làm cho HS nhận thức đúng, đủ, chính xác các nội dung liên quan đến việc đảm bảo an toàn: về mục tiêu, vai trò, ý nghĩa, nội dung....

- Giai đoạn 2: Quan sát mẫu và làm thử theo mẫu: ở giai đoạn này, giáo viên tập huấn, làm mẫu, mô phỏng hoạt động. HS quan sát giáo viên để hiểu rõ quy trình, cách thức thực hiện trên cơ sở nắm vững lí thuyết hành động. Hành động ở giai đoạn này thể còn sai sót, hoặc thao tác còn lúng túng.

- Giai đoạn 3: Thực hành, luyện tập, tự rèn luyện: Mục tiêu của giai đoạn này là để hình thành và rèn luyện kỹ năng, hành động còn ít sai sót, các thao tác trở nên thuần thục dần; hành động có kết quả trong điều kiện quen thuộc và trong điều kiện mới. Ba giai đoạn này gắn bó chặt chẽ với 3 quá trình đào tạo và tự đào tạo ở trường sư phạm hiện nay.

Theo tác giả Lê Bích Ngọc, quá trình hình thành kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo gồm các giai đoạn: Quan sát; bắt chước, tập thử; Thực hành thường xuyên (qua hoạt động trải nghiệm). Trong quá trình giáo dục KNS cho trẻ cần

phân biệt cho trẻ đâu là kỹ năng tốt và kỹ năng xấu, tạo cơ hội cho trẻ quan sát, bắt chước đúng những kỹ năng tốt, tích cực, bỏ đi những kỹ năng xấu, tạo môi trường cho trẻ tập luyện ở mọi lúc, mọi nơi và cần có sự tương tác và tổ chức cho học sinh luyện tập nhiều lần [14].

Đối với học sinh tiểu học, để trang bị kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn, phòng tránh bắt cóc, GV cần:

- Lòng ghép giáo dục học sinh kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ bản thân, phòng tránh bắt cóc trong các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm.

- Tăng cường giáo dục học sinh về kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn, phòng tránh bắt cóc thông qua hình thức trải nghiệm, thực hành xử trí tình huống bảo vệ bản thân phù hợp với nhu cầu, độ tuổi của các em.

- Trang bị phương tiện, tài liệu, học liệu giáo dục về bảo đảm an toàn, phòng tránh bắt cóc cho học sinh phù hợp với độ tuổi và phù hợp với văn hóa địa phương.

Việc phân chia giai đoạn này chỉ có tính chất tương đối. Trên thực tế, các giai đoạn này có thể tiến hành đan xen và đặc biệt việc luyện tập và tự rèn luyện là yêu cầu không thể thiếu, có thể diễn ra ở các giai đoạn còn lại.

Học sinh thực hành luyện tập cá nhân, phối hợp với nhóm theo quy trình và yêu cầu kỹ thuật.

Trong quá trình giáo dục đảm bảo an toàn cho HS cần phải tiến hành đồng bộ cả nhận thức, niềm tin, thái độ thành hành động thực tế. Ba mặt đó của quá trình rèn luyện có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Nhận thức là cơ sở, tình cảm là động lực, hành vi, thói quen là mục đích. Quá trình rèn luyện kỹ năng đó là một quá trình thường xuyên, liên tục, kiên trì, khắc phục khó khăn nảy sinh.

Hình thành trong quá trình học tập, sinh hoạt thường xuyên ở cả nhận thức, thái độ và hành vi.

1.2. Một số đặc điểm tâm lý cơ bản của học sinh tiểu học

Học sinh tiểu học (HSTH) là trẻ ở độ tuổi từ 6 -11 tuổi, đang theo học chương trình tiểu học từ lớp 1- lớp 5 tại các trường tiểu học trong hệ thống giáo dục Việt Nam. HSTH có một số đặc điểm đặc trưng về mặt tâm lý như sau:

- Tri giác của học sinh tiểu học mang tính không chủ định, chỉ biết nhìn mà chưa biết quan sát, phụ thuộc vào chính đối tượng được tri giác, màu sắc xúc cảm,... Tri giác của các em mang tính đại thể, ít đi vào chi tiết: chú ý đến các chi tiết ngẫu nhiên, không tìm ra các dấu hiệu đặc trưng của đối tượng, chỉ dừng lại

ở nhận biết và gọi tên, chưa có khả năng phân tích và tổng hợp mà chỉ liệt kê những gì nhìn thấy,... Tri giác của các em gắn liền với các hành động (sờ mó, ngửi hít, ngắm nhìn, thử nếm,...). Tri giác không gian và thời gian của các em còn bị hạn chế. Tri giác của các em phát triển dưới ảnh hưởng của hoạt động học tập: càng ngày càng có khả năng quan sát tinh tế (tìm ra những dấu hiệu đặc trưng cho sự vật hiện tượng, biết tìm ra các sắc thái của các chi tiết); có mục đích và phương hướng rõ ràng; Do đó, người giáo viên cần phải quan tâm đến việc bồi dưỡng năng lực quan sát cho học sinh tiểu học.

- Tư duy của HSTH là chuyển dần từ tính trực quan, cụ thể sang tính trừu tượng, khái quát: tính trực quan, cụ thể giảm dần còn tính trừu tượng, khái quát tăng dần theo khối lớp. Điều này được biểu hiện trên tất cả các mặt của tư duy (Trong khi tiến hành các thao tác tư duy; Trong lĩnh hội khái niệm; Trong phán đoán và suy luận).

- Tưởng tượng của HSTH được phát triển, phong phú hơn nhiều so với trẻ trước tuổi tiểu học và có sự quyện chặt giữa tưởng tượng phóng khoáng với hiện thực. Tưởng tượng tái tạo ở HSTH được hoàn thiện. Các hình ảnh của tưởng tượng dần dần trở nên sát thực hơn, phản ánh đúng đắn ảnh hiện thực. Tưởng tượng của HSTH được phát triển trong các hoạt động khác nhau của các em, đặc biệt là hoạt động học tập. Khuynh hướng chủ yếu trong sự phát triển của tưởng tượng ở HS tiểu học là:

- + Tiến dần đến phản ánh một cách đúng đắn, đầy đủ, rõ ràng hiện thực khách quan trên cơ sở những tri thức tương ứng.

- + Tiến dần đến phản ánh một cách khái quát, sáng tạo hiện thực khách quan trên cơ sở của ngôn từ và các hệ thống kí hiệu khác.

- Ở HSTH, trí nhớ trực quan phát triển chiếm ưu thế hơn trí nhớ từ ngữ-logic. Tính không chủ định vẫn chiếm ưu thế cả trong ghi nhớ lần tái hiện, nhất là ở các lớp đầu tiểu học. HSTH có khả năng ghi nhớ tốt, đặc biệt là ghi nhớ máy móc, trong đó, tình cảm có ảnh hưởng lớn đến độ bền vững và độ nhanh của sự ghi nhớ của HSTH. Các em chưa biết sử dụng các biện pháp ghi nhớ, nhất là các biện pháp ghi nhớ ý nghĩa. Trí nhớ của HSTH phát triển dưới ảnh hưởng của hoạt động học tập theo hướng càng ngày càng mang tính chủ định, tính ý nghĩa, tính trừu tượng, khái quát.

- Ngôn ngữ của HSTH phát triển mạnh cả về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng. Ngôn ngữ viết được hình thành và phát triển mạnh, mặc dù vẫn “nghèo”

hơn so với ngôn ngữ nói. Kỹ năng đọc của trẻ được hoàn thiện: chuyển từ đọc đánh vần sang đọc diễn cảm, đọc to tới đọc cho mình,...

- Chú ý không chủ định được phát triển mạnh và chiếm ưu thế ở HSTH. Chú ý của HSTH chưa bền vững, nhất là học sinh các lớp đầu cấp tiểu học (lớp 1, lớp 2). Chú ý của HSTH phụ thuộc vào nhịp độ học tập. Nhịp độ học tập quá nhanh hoặc quá chậm đều không thuận lợi cho tính bền vững và sự tập trung chú ý. Khối lượng chú ý của HSTH hẹp, sự phân phối chú ý của trẻ diễn ra một cách khó khăn. Khả năng phát triển chú ý chủ định và chú ý sau chủ định ở học sinh tiểu học trong quá trình học tập là rất cao. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào việc tổ chức hoạt động học cho các em của người giáo viên, đặc biệt là việc hình thành và phát triển các động cơ học tập mang tính chất xã hội cao, mang tính ý thức trách nhiệm đối với kết quả học tập cũng như mang tính nhận thức ở các em [6, 142-145].

- Tình cảm, xúc cảm của HSTH vẫn mang những đặc điểm từng có ở lứa tuổi trước, đó là mang tính cụ thể, trực tiếp, rất dễ xúc cảm, dễ bộc lộ tình cảm, khả năng kiềm chế yếu. Về cơ bản nét chung trong đời sống tình cảm của HSTH là yêu đời, sáng khoái và vui vẻ [6, 163-164].

- Hành động ý chí của HSTH: tình cảm giữ vai trò quan trọng, trong nhiều trường hợp, nó trở thành động cơ của hành vi, của hoạt động. Vì thế, ở lứa tuổi này, sự phát triển của ý chí và tình cảm diễn ra trong sự tác động lẫn nhau không ngừng. HSTH chưa có khả năng tự đặt ra mục đích cho hành động của và chưa biết lập chương trình (kế hoạch của hành động) mình, các em dễ gặp thất bại và dễ mất lòng tin vào sức lực, khả năng của mình. Tính độc lập, kiềm chế và tự chủ còn thấp. Tính bột phát, ngẫu nhiên vẫn còn trong các hành động ý chí nên các em dễ bắt chước hành động của người khác [6, 168-169].

1.3. Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc của học sinh tiểu học.

1.3.1. Khái niệm

Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh tiểu học là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục (GV) tới người được giáo dục (HS) nhằm hình thành nhằm hình thành và phát triển học sinh tiểu học những hiểu biết về các vấn đề liên quan đến bắt cóc, từ đó hình thành thái độ đúng đắn, kỹ năng nhận diện, hành vi ứng xử phù hợp để phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc, đảm bảo an toàn cho bản thân trong các mối quan hệ của ở gia đình, nhà trường và xã hội.

Đây là một quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của GV HS tiểu học, được tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm hình thành và phát triển ở HS những hiểu biết, thái độ đúng đắn, kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho bản thân và mọi người xung quanh.

Việc giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc được thực hiện lồng ghép, tích hợp trong hoạt động học, hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục kỹ năng sống nói riêng ở trường Tiểu học. Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm của trẻ, đảm bảo an toàn trở thành một nhu cầu, là điều kiện không thể thiếu trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của HS, giúp các em có thể tham gia vào các hoạt động khác nhau như: học tập, lao động, vui chơi,... nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho HS.

1.3.2. Mục đích, ý nghĩa

Mục đích của giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc giúp cho HS tiểu học có hiểu biết/nhận thức về các vấn đề liên quan đến bắt cóc, từ đó vận dụng kiến thức để hình thành các kỹ năng phòng tránh bắt cóc bao gồm: nhận diện nguy cơ trở thành nạn nhân của một vụ bắt cóc, kiểm soát và hình thành hành vi phòng tránh bắt cóc đảm bảo an toàn cho bản thân trong các mối quan hệ ở gia đình, nhà trường và xã hội (thể hiện ở cả ba mặt nhận thức, thái độ và kỹ năng).

Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc là một trong những kỹ năng sống rất quan trọng. Giáo dục cho HS biết giữ gìn sự an toàn cho bản thân và mọi người, tránh xa hoặc loại bỏ những nguy cơ gây nguy hiểm, tổn hại cho con người là một trong những nhiệm vụ quan trọng được tiến hành trong quá trình chăm sóc - giáo dục HS giúp trẻ phát triển toàn diện cả thể chất và tâm lý.

Học sinh tiểu học thường hay tò mò, ham học hỏi, hiếu động nên trẻ rất dễ gặp nguy hiểm trong quá trình sống và khám phá thế giới xung quanh. Do vậy, nếu các em không được bảo vệ và giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc thì sẽ rất dễ bị dụ dỗ và gặp nguy hiểm. Việc bảo vệ an toàn cho học sinh là trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội giúp HS nhận biết và phòng tránh những nguy cơ trở thành nạn nhân của vụ bắt cóc; đồng thời rèn luyện được một số phẩm chất đạo đức quan trọng như: tính độc lập, tính tự giác, tính kiên trì, tính tích cực, lòng nhân ái... cho các em.

Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho HS tiểu học giúp tạo dựng nền tảng vững chắc để hình thành và phát triển những kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn phức tạp hơn cho các em ở lứa tuổi tiếp theo. Nó cũng góp phần bảo vệ sức khỏe và tính mạng, giúp HS có thể tham gia vào mọi hoạt động khác nhằm phát

triển toàn diện các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ; giúp cho việc hình thành lòng mong muốn, ý thức tự giác giữ gìn sự an toàn của chính bản thân cũng như nâng cao trách nhiệm của các em với những người xung quanh giúp các em thích nghi với xã hội.

1.3.3. Nội dung

Các nội dung cơ bản cần giáo dục học sinh phòng tránh bắt cóc đó là những kiến thức chung về các vấn đề liên quan đến bắt cóc và phòng tránh bắt cóc trẻ em, kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ em, cụ thể như sau:

- Nhận thức về nguyên nhân, hậu quả của bắt cóc trẻ em, dấu hiệu nhận biết nguy cơ của vụ bắt cóc

- Các yêu cầu, nguyên tắc khi giao tiếp với người khác để đảm bảo an toàn: Không bắt chuyện với người lạ; Không nhận quà từ người lạ; Giữ khoảng cách 3m với người lạ; Không cho người lạ vào nhà; Không nói chuyện với người lạ qua mạng xã hội.

- Nhận thức và thực hành được một số kỹ năng xử lý trong những trường hợp gặp nguy hiểm, dấu hiệu có nguy cơ bị bắt cóc. Ví dụ:

- + Xử lý khi bị lạc hoặc phòng tránh bị lạc: Trẻ cần giữ bình tĩnh nếu bị lạc cha mẹ; Gọi điện thoại cho người thân; Tìm người hỗ trợ thích hợp nếu trẻ bị lạc; Trẻ có thể tự tìm đường về nếu bị lạc...

- + Xử trí khi ở nhà một mình

- + Xử trí khi ở trường,...

- Hướng dẫn học sinh thực hiện Quy tắc năm ngón tay, bốn vòng tròn cho và xây dựng các tình huống cho học sinh thực hành.

- * Quy tắc năm ngón tay giúp trẻ em nhận ra và bảo vệ bản thân khỏi những tình huống tiềm ẩn nguy cơ bị bắt cóc, chỉ dẫn trẻ có cách ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ với người thân và những người xung quanh.

- * Quy tắc 4 vòng tròn giúp học sinh phân biệt được các mức độ quan hệ với xung quanh và biết cách đối xử phù hợp phòng tránh bị xâm hại. Vận dụng quy tắc này giáo dục an toàn cho học sinh và phòng tránh bị bắt cóc. GV có thể sử dụng câu chuyện, minh họa, hoặc hoạt động trò chơi để giúp trẻ dễ hiểu và tiếp thu. Bên cạnh đó có thể giới thiệu cho học sinh nhận diện 5 mối nguy hiểm trẻ dễ gặp phải để có những báo động đề nghị được trợ giúp từ những người xung quanh (Báo động Ôm, Báo động Nhìn, Báo động Nói, Báo động Chạm, Báo động Bắt cóc...). Việc giáo dục được kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh tiểu học, tập trung giúp học sinh hướng tới mục tiêu sau:

- Biết được những người có thể gây nguy hiểm cho bản thân như: người lạ, người say rượu, người bị bệnh tâm thần,...

- Biết được những hành động nguy hiểm cần tránh như: lén lút, dụ dỗ,...

- Biết được những tình huống nguy hiểm như: người lạ đi theo mình, người lạ cho đồ ăn,..

- Tránh xa, không làm theo những yêu cầu nguy hiểm như: không đi theo người lạ, không cầm đồ hộ người lạ,..

- Có hành động tự vệ phù hợp với mỗi tình huống: khi có người lạ bám theo thì nên chạy đến chỗ đông người nhờ sự giúp đỡ, nếu có người lạ gõ cửa khi ở nhà một mình thì không nên mở cửa và gọi điện cho bố mẹ hoặc người thân,...

- Có cách giúp đỡ người bị nạn: gọi 113, cầu cứu sự giúp đỡ của những người xung quanh,...

- Báo cho cô giáo, người thân khi thấy nguy cơ mất an toàn.

- Bày tỏ thái độ không đồng tình với những người có thể gây nguy hiểm

Giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn nói chung, kỹ năng phòng tránh bắt cóc nói riêng cho học sinh tiểu học là nội dung quan trọng trong giáo dục phát triển toàn diện, giúp trẻ biết tự chăm sóc, đảm bảo an toàn cho bản thân trong cuộc sống.

1.3.4. Phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc

1.3.4.1. Các phương pháp giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc

Việc giáo dục phòng tránh bắt cóc cho HS ở trường Tiểu học có thể được tiến hành bằng các nhóm phương pháp trực quan (làm mẫu, làm cùng, nêu gương); nhóm phương pháp dùng lời (trò chuyện, giảng giải, khen thưởng); nhóm phương pháp thực hành (giao việc, trò chơi, trải nghiệm).

Nhóm phương pháp trực quan: là một nhóm phương pháp giảng dạy cơ bản và được áp dụng vô cùng phổ biến trong mọi cơ sở giáo dục đào tạo từ trẻ em cho đến người trưởng thành. Những phương tiện trực quan có tác dụng giúp người học dễ dàng tiếp nhận tri thức mới, thông qua đó sẽ hứng thú học tập hơn; tạo sự tò mò, say mê nghiên cứu. Vì vậy có thể xem phương pháp trực quan như là cầu nối giữa lý thuyết và thực hành, là một cách thức hiệu quả giúp phát huy tính tích cực, chủ động học tập của người học.

Nhóm phương pháp dùng lời (Trò chuyện, giảng giải, khen thưởng): vai trò của nhóm này giúp trẻ cách thức tốt nhất để diễn đạt ý nghĩ của mình, nói rõ

hơn có nghĩa là sử dụng câu đúng để diễn đạt, đồng thời để củng cố, nhắc lại chính xác hóa từ, câu hay một đoạn văn; nhóm phương pháp này được sử dụng phù hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ nhằm khuyến khích trẻ tập nói và giao tiếp với đồ vật, với mọi người xung quanh. Tạo tình huống thích hợp để trẻ bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể.

Nhóm phương pháp thực hành (giao việc, trò chơi, trải nghiệm): GV tổ chức cho HS trực tiếp thao tác trên đối tượng, nhằm giúp HS hiểu rõ và vận dụng lí thuyết vào thực hành, luyện tập, hình thành kỹ năng. Qua đó, tạo điều kiện để HS được rèn luyện kỹ năng thao tác “tay chân”. Qua thực hành, HS có thể nắm chắc kiến thức, rèn luyện kỹ năng học tập các môn học. Giúp GV phát hiện những khó khăn, lỗ hổng kiến thức của HS để chỉ dẫn thêm hoặc giúp đỡ. Mọi HS đều có cơ hội thực hành rèn luyện, tạo không khí học tập thân thiện giữa GV và HS, giữa HS và HS [14].

1.3.4.2. Các hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc

Hình thức tổ chức giáo dục dạy học là hoạt động tác động giữa hoạt động học và hoạt động dạy, sự phối hợp chặt chẽ giữa GV và HS được thực hiện theo một trật tự và một số chế độ xác định. Trong đó hoạt động dạy và hoạt động học thống nhất biện chứng với nhau.

Hình thức tổ chức theo nhóm: Là hình thức có sự kết hợp tính tập thể và tính cá nhân dưới sự chỉ đạo của giáo viên. Trong đó, học sinh chia sẻ những hiểu biết của mình, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, vừa có trách nhiệm với việc học tập của mình vừa phải quan tâm đến việc học tập của các bạn khác trong nhóm.

Khi sử dụng hình thức tổ chức này, HS dễ học hỏi lẫn nhau, bộc lộ ý kiến của mình và nghe ý kiến người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ. Điều kiện cho HS lựa chọn thông tin từ bạn để bổ sung và làm phong phú thêm sự hiểu biết của mình. Giúp HS phát huy vai trò trách nhiệm trong học tập, phát triển kỹ năng giao tiếp, tính cách, hợp tác, phối hợp với các bạn khác. GV có điều kiện tập trung để quan sát, theo dõi hoạt động của từng học sinh, giúp các em giải quyết các khó khăn trong học tập khiến hiệu quả dạy học được nâng cao.

Tự học: Là hình thức tổ chức dạy học hỗ trợ cho hình thức lên lớp bao gồm nắm vững tài liệu trong sách giáo khoa, hoàn thành các bài tập viết, các bản báo cáo, thí nghiệm, thực hành, chuẩn bị bài sắp học. Ngoài ra giáo viên còn có thể ra bài tập cho học sinh giỏi - kém. Ở hình thức tổ chức này sẽ giúp học sinh rèn luyện tính độc lập trong hoạt động trí tuệ, trong tổ chức học tập và bộc lộ đặc điểm tích cực cá nhân. Mở rộng, đào sâu, hệ thống hóa, khái quát hóa những

điều đã học ở trên lớp, làm hoàn thiện vốn hiểu biết. Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo học tập, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống. Học sinh chuẩn bị lĩnh hội những tri thức mới bằng cách đọc, viết, suy tầm, dưới sự hướng dẫn của giáo viên [13].

Phụ đạo: Trong quá trình dạy học tất yếu phải có sự phân hóa về trình độ nhận thức và sẽ xuất hiện 2 loại HS đáng chú ý: loại yếu - kém và khá - giỏi. Vì vậy cần phải tìm ra nguyên nhân và biện pháp giúp đỡ tích cực phù hợp với từng loại.

Đối với hình thức tổ chức phụ đạo GV có thể giúp đỡ HS kém theo kịp chương trình học tập bằng cách gợi ý, tháo gỡ khó khăn trong cách làm bài, đồng thời tạo điều kiện cho HS giỏi học giỏi hơn bằng cách gợi ý, hướng dẫn các bài tập phát triển, nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo người tài cho đất nước. Tạo sự bình đẳng để mỗi học sinh có thể phát triển theo năng lực và sở trường của mình. Đồng thời tạo mối quan hệ thân mật của GV với từng em HS trên cơ sở tôn trọng nhân cách của các em trong học tập. Thông qua giao việc cụ thể cho từng học sinh buộc HS phải tích cực hoạt động, tự mình phát hiện ra kiến thức.

Các hình thức tổ chức phong phú: lồng ghép trong các hoạt động học tập, thông qua hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm,... giúp HS có những kiến thức cơ bản, những kỹ năng phù hợp để đảm bảo an toàn bằng những hình tượng nghệ thuật sinh động, phong phú và đa dạng, giúp cho hoạt động giáo dục HS diễn ra tinh tế, nhẹ nhàng, hấp dẫn mà hiệu quả.

Quá trình giáo dục kỹ năng sống nói chung, giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ em nói riêng phải tuân thủ các nguyên tắc nhất định, theo tác giả Nguyễn Thanh Bình, trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh cần tuân thủ theo các nguyên tắc: Nguyên tắc dựa vào sự trải nghiệm; nguyên tắc tương tác, nguyên tắc thay đổi hành vi [2, 59-65].

Tác giả Hoàng Hòa Bình cho rằng quá trình giáo dục KNS cho học sinh tiểu học cần phải đảm bảo 5 nguyên tắc cơ bản: Nguyên tắc tương tác, nguyên tắc trải nghiệm, nguyên tắc tiến trình, nguyên tắc thay đổi hành vi, thời gian – môi trường giáo dục [3, 17-18].

1.3.4.3. Ý nghĩa của giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc

- Trang bị cho học sinh hiểu biết và hình thành kỹ năng phòng tránh bắt cóc, đảm bảo an toàn cho học sinh tiểu học tránh những nguy cơ trở thành nạn nhân của vụ bắt cóc.

- Hình thành kỹ năng xử lý khi gặp tình huống khẩn cấp có liên quan đến bắt cóc: nhận diện tình huống nguy hiểm, ứng phó tích cực trong những tình huống nguy hiểm.

Để đảm bảo hiệu quả của quá trình giáo dục KNS nói chung và KN phòng tránh bắt cóc nói riêng, giáo viên cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động và tổ chức các hoạt động giáo dục.
- Tạo cho học sinh môi trường hoạt động an toàn (vật chất và tâm lý).
- Tổ chức rèn tập cho học sinh trong các tình huống đa dạng, phong phú.
- Tổ chức đánh giá, rút ra bài học cho bản thân học sinh.
- Phối hợp với gia đình trong giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc.

1.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh tiểu học

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ lứa tuổi tiểu học. Một cách khái quát có thể chia chúng thành các nhóm yếu tố khách quan (gia đình, nhà trường, mạng xã hội, truyền thông, Internet...) và nhóm yếu tố chủ quan (khả năng nhận thức, hứng thú, tính cách của trẻ). Các yếu tố này có ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng ở trẻ với các mức độ, các khía cạnh khác nhau.

Đặc biệt các yếu tố từ bản thân học sinh, yếu tố nhà trường và yếu tố gia đình là các yếu tố chính ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng cho trẻ. Các yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến đặc điểm tâm lý, khả năng nhận thức của trẻ trong giai đoạn từ 6-11 tuổi. Vì vậy cần phải có biện pháp tác động để đạt hiệu quả trong việc hình thành kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho HS lứa tuổi tiểu học.

1.4.1. Yếu tố từ phía bản thân học sinh

Khả năng nhận thức của học sinh tiểu học mang tính trực tiếp, cụ thể. Học sinh chỉ hiểu và nắm rõ đối tượng, những mối liên hệ mang tính trực quan, những hình ảnh trực quan của mọi sự vật hiện tượng khi được trải nghiệm trên thực tế. Học sinh có thể thực hiện kỹ năng bảo vệ bản thân, nếu người lớn hướng dẫn đầy đủ, đúng phương pháp trên cơ sở hiểu đặc điểm nhận thức, hứng thú của độ tuổi. Muốn cho học sinh có thể thực hành kỹ năng thì phải giúp trẻ nhận thức đầy đủ về mục đích, lợi ích và biểu hiện của các kỹ năng, bởi lẽ, “biết các tri thức về hành động vừa là điều kiện để xây dựng nên kỹ năng, vừa là giai đoạn đầu tiên của quá trình hình thành kỹ năng” (Thái Hà, 2009).

Các nhà tâm lí học nghiên cứu và chỉ ra rằng, hứng thú có một vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của con người, trong đó có trẻ em. Sự hứng thú sẽ thúc đẩy trẻ tham gia tích cực vào hoạt động, lĩnh hội tri thức mới, tò mò khám phá thế giới xung quanh. Hứng thú của trẻ thể hiện trước hết ở sự tập trung chú ý cao độ, sự say mê đối với thế giới của mình. Sự hứng thú gắn liền với tình cảm của trẻ, nó là động cơ thúc đẩy trẻ tham gia tích cực vào hoạt động nhận diện, ứng phó, tìm kiếm sự giúp. Ngược lại, khi trẻ không có hứng thú thì kết quả hình thành kỹ năng nhận biết và xử lý khi gặp người lạ hoặc khi bị xâm hại tình dục sẽ không cao, thậm chí xuất hiện cảm xúc tiêu cực. Những nét ý chí của tính cách sẽ quy định sự sẵn sàng trong hành vi của trẻ. Tuy nhiên, ở độ tuổi này, trẻ khó điều chỉnh hành vi của mình cho việc thực hiện nhiệm vụ nhất định nhằm hình thành kỹ năng nào đó. Vì vậy, rất cần sự động viên khuyến khích từ người lớn và những biện pháp trong việc thu hút sự tập trung chú ý vào hoạt động nào đó cho trẻ. Tính cách mỗi trẻ cũng có ảnh hưởng đến quá trình học tập, không trẻ nào lại có tính cách giống tính cách trẻ nào. Thông thường những học sinh mạnh dạn, tự tin thường tích cực trong việc tham gia các hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ mà giáo viên hướng dẫn, cởi mở trong việc chia sẻ kinh nghiệm hay suy nghĩ của bản thân, từ đó sẽ hình thành kỹ năng tốt hơn. Ngược lại, những học sinh rụt rè thường thụ động trong khi thực hiện các nhiệm vụ hành động, không dám đưa ra ý kiến của bản thân, khiến việc hình thành kỹ năng giữ an toàn, tự bảo vệ thân thể cho học sinh sẽ gặp khó khăn hơn.

1.4.2 Yếu tố nhà trường

Môi trường giáo dục nhà trường là nơi có những tác động mang tính chuyên môn và khoa học. Những người giáo dục là giáo viên dạy học sinh, được đào tạo chuyên môn, có chương trình mang tính logic, khoa học và có những phương pháp giáo dục hiệu quả. Tất cả những tác động từ những môi trường này sẽ góp phần hình thành nên những thói quen hành vi tự bảo vệ thân thể cho học sinh và có tác động rất lớn tới nhận thức, hành vi, thái độ trong việc bảo vệ giữ gìn an toàn cho chính bản thân mình của học sinh. Nhà trường có khả năng xác định mục tiêu phát triển kỹ năng tự bảo vệ bản thân của cá nhân trong từng giai đoạn. Từ đó xây dựng nhiệm vụ cụ thể, hoạch định nội dung, phương thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho từng cá nhân.

So với những tác động của gia đình, nhóm bạn và các lực lượng xã hội khác, sự tác động giáo dục của nhà trường sâu sắc và mạnh mẽ, toàn diện và triệt để hơn rất nhiều.

Nhà trường là đơn vị cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân nơi có đội ngũ giáo viên được trang bị đầy đủ về mặt chuyên môn và cơ sở lý luận khoa học về công tác dạy học và giáo dục học sinh. Vì vậy giáo viên không chỉ chăm sóc trẻ một cách khoa học mà họ còn có khả năng tổ chức các hoạt động nhằm hình thành kỹ năng tự bảo vệ bản thân một cách phù hợp với trình độ nhận thức, hứng thú, sở thích của học sinh. Sự tác động toàn diện của giáo dục nhà trường tạo điều kiện tối ưu để học sinh phát triển đầy đủ và nhanh chóng mọi tiềm năng của mình. Những nội dung, biện pháp giáo dục mà giáo viên thực hiện không chỉ phù hợp với lứa tuổi mà còn phù hợp với đặc điểm tâm lý của từng học sinh. Kỹ năng bao quát và quan sát trẻ trong quá trình giảng dạy trên lớp được coi trọng cho mỗi giáo viên. Bởi lẽ, hứng thú nhận thức, hứng thú ham hiểu biết của mỗi trẻ là khác nhau cũng như các nét tính cách của mỗi trẻ cũng khác nhau. Nên việc hiểu và nắm rõ đặc điểm cá nhân trẻ là quan trọng khi hình thành kỹ năng.

1.4.3. Yếu tố gia đình

Ngay từ khi đứa trẻ ra đời, gia đình là môi trường văn hóa - xã hội đầu tiên và gần gũi nhất, có ý nghĩa quan trọng đến sự phát triển nhân cách những năm đầu đời của trẻ. Gia đình là tác nhân quan trọng trong việc tạo ra môi trường sống an toàn, đảm bảo sự sống cho trẻ, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt được các giá trị xã hội cơ bản, là màng lọc giúp trẻ em khắc phục những tác động tự phát của các yếu tố tiêu cực bên ngoài xã hội, giúp trẻ thích ứng tích cực với cuộc sống xã hội phức tạp và đầy biến động.

Những tác động của gia đình trong việc hình thành kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ có thể diễn ra một cách tự phát hoặc tự giác. Sự tác động tự phát thông qua sự ảnh hưởng qua lại giữa các thành viên như cách xử lý, thái độ, hành vi khi gặp tình huống nguy hiểm mà trẻ được chứng kiến trẻ sẽ ấn tượng, nhớ lâu và cho đấy như là một trải nghiệm của mình. Bên cạnh đó, những tác động của gia đình còn là những tác động mang tính tự giác, tự nhiên vốn dĩ nó diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, thông qua sự giáo dục của người lớn đến trẻ. Sự gần gũi của cha mẹ sẽ hiểu được những nhu cầu hứng thú nhu cầu của con cũng như những khó khăn, khó nói của con khi gặp các vấn đề về bản thân. Cha mẹ có thể giáo dục con thông qua trò chuyện, những câu chuyện kể, nêu gương

các tình huống thực tế,... dần sẽ hình thành thói quen về hành vi, những kỹ năng bảo vệ bản thân mình ở mọi lúc mọi nơi, ngay cả khi không có cha mẹ người thân bên cạnh.

Kết luận chương 1

Giáo dục kỹ năng sống nói chung, kỹ năng phòng tránh bắt cóc đảm bảo an toàn cho trẻ em là nhiệm vụ cấp thiết của gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội. Đối với học sinh lứa tuổi tiểu học, việc giáo dục các kỹ năng sống, trong đó, giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc cho trẻ em đang được các bậc phụ huynh và trường Tiểu học quan tâm, đã được thực hiện trong trường tiểu học phù hợp với điều kiện thực tế nhằm trang bị cho học sinh hiểu biết, kỹ năng cơ bản để vận dụng trong học tập, sinh hoạt.

Trong nghiên cứu đề tài, chúng tôi sử dụng khái niệm: Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh tiểu học là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục (GV) tới người được giáo dục (HS) nhằm hình thành nhằm hình thành và phát triển học sinh tiểu học những hiểu biết về các vấn đề liên quan đến bắt cóc, từ đó hình thành thái độ đúng đắn, kỹ năng nhận diện, hành vi ứng xử phù hợp để phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc, đảm bảo an toàn cho bản thân trong các mối quan hệ của ở gia đình, nhà trường và xã hội.

Giáo dục hình thành kỹ năng sống nói chung, kỹ năng phòng tránh bắt cóc nói riêng giúp học sinh hiểu, biến những kiến thức về kỹ năng sống được cung cấp thành hành động cụ thể trong quá trình hoạt động thực tiễn với bản thân, với người khác, với xã hội, ứng phó trước nhiều tình huống, học cách giao tiếp, ứng xử với mọi người, giải quyết mâu thuẫn trong mối quan hệ và thể hiện bản thân một cách tích cực... giúp trẻ phát triển hài hòa, toàn diện về nhân cách. Mặt khác, đối với học sinh tiểu học, đây cũng là sự chuẩn bị cho các em thích ứng với mọi sự biến đổi trong cuộc sống, giúp các em tự chủ, tự tin trong cuộc sống, tự nhận thức bản thân, phát huy thế mạnh cá nhân; rèn luyện những phẩm chất đạo đức tốt; biết ứng xử đúng mực, linh hoạt trong những tình huống khó khăn của cuộc sống; giúp trẻ ý thức và có năng lực thực hiện bổn phận cũng như bảo vệ quyền trẻ em, bảo vệ mình trước những vấn đề của xã hội có nguy cơ ảnh hưởng đến cuộc sống an toàn, lành mạnh của các em, phòng ngừa những hành vi có hại cho sự phát triển của bản thân.

Việc giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc nói riêng được thực hiện lồng ghép, tích hợp trong các hoạt động ở trường Tiểu học, chủ yếu là trong chuyên

đề giáo dục kỹ năng sống. Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc tác động đến nhận thức, tình cảm của học sinh, đảm bảo an toàn trở thành một nhu cầu, đồng thời cũng là điều kiện không thể thiếu trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của học sinh, giúp các em có thể tham gia vào các hoạt động khác nhau như: vui chơi, học tập, lao động... nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho bản thân.

Để thực hiện việc giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho học sinh ở trường Tiểu học có hiệu quả cần phải thực hiện bằng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau phù hợp điều kiện thực tế, đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, các yêu cầu, nguyên tắc và quy trình hình thành kỹ năng.

Chương 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG PHÒNG TRÁNH BẮT CỐC CHO HỌC SINH LỚP 3 TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH KHÁNH

2.1. Vài nét về Trường Tiểu học Ninh Khánh

Trường tiểu học Ninh Khánh được thành lập từ năm 1959 trường có tên gọi là trường phổ thông cấp 1-2 xã Ninh Khánh. Năm 1990, tách trường và có tên gọi là trường phổ thông cấp I Ninh Khánh - Huyện Hoa Lư - Tỉnh Ninh Bình. Từ năm 1996 đến năm 2004 trường mang tên trường Tiểu học Ninh Khánh – Huyện Hoa Lư – Tỉnh Ninh Bình. Từ năm 2004 đến nay được mang tên là trường Tiểu học Ninh Khánh – Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế xã hội giáo dục và đào tạo có bước tiến bộ vượt bậc. Quy mô phát triển các ngành học, bậc học đáp ứng đủ nhu cầu học tập của học sinh và người lao động; chất lượng giáo dục có chuyển biến rõ nét cả đại trà và mũi nhọn; công tác xã hội hoá giáo dục có bước tiến mới, cơ sở vật chất được tăng cường, trường lớp khang trang, sạch, đẹp và mua sắm được khá đầy đủ các phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập. Hiện tại nhà trường có 24 máy tính để bàn, 2 máy chiếu, 28 tivi, 1 bộ bảng tương tác, 8 máy in, 02 loa kéo, 01 máy photo và hệ thống Internet các phòng học phục vụ cho việc dạy, học và công tác quản lý. Các công trình phụ trợ như nhà để xe của giáo viên và học sinh, nhà vệ sinh riêng cho nam nữ, cho giáo viên và học sinh. Có sân chơi vận động, sân tập thể dục đáp ứng được nhu cầu sử dụng của giáo viên và học sinh. Có khu bếp phục vụ bán trú cho học sinh với diện tích 70 m², đủ dụng cụ và đồ dùng thiết yếu để phục vụ cho HS ăn bán trú tại trường đảm bảo vệ sinh an toàn.

Năm học 2022 - 2023: Toàn trường có 1108 học sinh với 31 lớp. Với 46 cán bộ, giáo viên, nhân viên; trường có Chi bộ Đảng, có tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chức, đoàn thể hoạt động có hiệu quả cao. Đội ngũ CB, GV, NV nhà trường có phẩm chất đạo đức trong sáng, nhiệt tình, trách nhiệm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt; 100% cán bộ, GV nhà trường có trình độ chuyên môn nghiệp vụ khá tốt, trình độ đào tạo phần lớn đều đạt chuẩn so với yêu cầu.

Trường có 2 điểm trường: Điểm trường chính (khu A) địa chỉ: Số 14, đường Nguyễn Bình Khiêm, phố Bình Chương, phường Ninh Khánh. Điểm trường lẻ (khu B) địa chỉ: phố Khánh Tân, phường Ninh Khánh. Tuy nhiên, khu lẻ bàn giao lại cho UBND phường vào tháng 01/2023. Diện tích khuôn viên:

10655,3 m² (Khu A: 6673,6 m²; khu B: 3981,7 m²). Tỉ lệ diện tích/học sinh: 8,27 m²/HS. Diện tích sân chơi, sân tập: 2,900 m² (sân chơi: 2000 m², bãi tập 900 m²). Toàn trường có 28 phòng học, và các phòng chức năng, phòng làm việc đều được xây kiên cố hiện đại. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường tương đối đầy đủ, đảm bảo cho các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả đáp ứng được yêu cầu CTGDPT 2018, cảnh quan khuôn viên nhà trường được quy hoạch khang trang có bồn hoa cây cảnh được chăm sóc thường xuyên.

Trường Tiểu học Ninh Khánh có bề dày truyền thống, nhiều năm liền đạt danh hiệu trường tiên tiến, xuất sắc và vinh dự được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2004, Chủ tịch UBND thành phố Ninh Bình tặng Giấy khen, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen giai đoạn 2016-2021. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm ủng hộ của các cấp chính quyền địa phương, Hội cha mẹ học sinh và đặc biệt là sự chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục Đào tạo thành phố Ninh Bình. Tập thể cán bộ giáo viên và Ban lãnh đạo nhà trường đoàn kết thống nhất, năng động nhiệt tình, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, khả năng ứng dụng CNTT trong quản lý, trong dạy học khá tốt. Học sinh có thể chất tốt, ngoan ngoãn và chăm học.

Năm học 2022 – 2023, trường Tiểu học Ninh Khánh có 204 học sinh khối 3, với 5 lớp là 3A, 3B, 3C, 3D, 3E.

2.2. Tổ chức khảo sát.

2.2.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát thực trạng giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3.

2.2.2. Nội dung khảo sát

- Nhận thức của giáo viên về sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3.

- Khảo sát nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh lớp 3 về phòng tránh bắt cóc trẻ em.

- Tìm hiểu thực trạng giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh, nguyên nhân ảnh hưởng.

2.2.3. Cách thức, thời gian tiến hành khảo sát

Bước 1: Tiến hành khảo sát.

- Gửi phiếu khảo sát tới giáo viên, học sinh.

- Quan sát quá trình giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho HS lớp 3.
- Tiến hành trao đổi ý kiến với giáo viên, với học sinh lớp 3 về tổ chức hoạt động giáo dục phòng tránh bắt cóc nhằm làm sáng tỏ và cụ thể hóa các nội dung khảo sát, đồng thời xác định nguyên nhân của thực trạng.
- Đánh giá mức độ thực hiện kỹ năng phòng tránh bắt cóc ở HS lớp 3.

Bước 2: Xử lý kết quả khảo sát.

Bước 3: Phân tích thực trạng và tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng.

Thời gian khảo sát thực trạng tiến hành từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023.

2.2.4. Tiêu chí và thang đánh giá

(Mức độ đạt được của kỹ năng đảm bảo an toàn, yếu tố ảnh hưởng)

2.2.4.1. Tiêu chí đánh giá

Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh tiểu học được hiểu là một quá trình dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục, thông qua các hoạt động giáo dục và sinh hoạt hàng ngày, giúp cho học sinh có hiểu biết (nhận thức) về các vấn đề liên quan đến bắt cóc trẻ em, từ đó hình thành thái độ đúng đắn về phòng tránh bắt cóc, vận dụng kiến thức để nhận diện nguy cơ trở thành nạn nhân của một vụ bắt cóc, kiểm soát và hình thành hành vi phòng tránh bắt cóc, đảm bảo an toàn cho bản thân trong các mối quan hệ ở gia đình, nhà trường và xã hội.

- Tiêu chí 1: Nhận thức của học sinh về nguy cơ trở thành nạn nhân của vụ bắt cóc.
- Tiêu chí 2: Thái độ của HS về những vụ bắt cóc, hậu quả của bắt cóc.
- Tiêu chí 3: Biểu hiện phản ứng hành vi của học sinh khi gặp tình huống có nguy cơ trở thành nạn nhân của vụ bắt cóc.

Tiêu chí 1: Nhận thức

- **Mức độ Cao** (từ 2-4 điểm): Trẻ có nhận thức đầy đủ, phong phú về:
 - + Ý nghĩa của việc nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, khi gặp người lạ/Những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận (kể từ 2 nguy hiểm trở lên).
 - + Những tình huống nguy hiểm cần được trợ giúp (kể được 2 tình huống nguy hiểm).
 - + Cách phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc (kể từ 2 cách phòng tránh) hoặc các chiến thuật thoát hiểm (kể được 2 chiến thuật trở lên).

+ Mỗi nguy hiểm khi đến gần, xem, ... những nơi hoặc hành động nguy hiểm đó (kể được từ 2 nguy hiểm).

- **Mức độ Trung bình** (1 đến dưới 2 điểm): Trẻ có nhận thức đầy đủ về:

+ Ý nghĩa của việc nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, khi gặp người lạ/Những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận (kể 1 nguy hiểm).

+ Những tình huống nguy hiểm cần được trợ giúp (kể được 1 tình huống nguy hiểm).

+ Cách phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc (kể từ 1 cách phòng tránh) hoặc các chiến thuật thoát hiểm (kể được 1 chiến thuật trở lên).

+ Mỗi nguy hiểm khi đến gần, xem,... những nơi hoặc hành động nguy hiểm đó (kể được 1 nguy hiểm).

- **Mức độ Thấp** (dưới 1 điểm): Trẻ nêu được câu trả lời về nơi nguy hiểm, người gây nguy hiểm, hành động nguy hiểm, tình huống nguy hiểm, cần có sự gợi ý (1-2/4 ý hỏi).

Tiêu chí 2: Thái độ

- **Mức độ tích cực** (2-4 điểm): HS có thái độ tích cực trong tìm hiểu để nhận diện và luôn có ý thức phòng tránh bị bắt cóc ở nơi nguy hiểm.

+ Tỏ thái độ phù hợp khi tiếp xúc với người lạ.

+ Bày tỏ thái độ không đồng tình với người thực hiện hành động nguy hiểm.

+ Bày tỏ thái độ đồng cảm với người bị nạn, cảm phục người giúp đỡ.

- **Mức độ bình thường** (1 đến dưới 2 điểm): HS có thái độ phù hợp với việc phòng tránh bắt cóc khi nghe, nhìn, xem, tiếp xúc.... với người lạ:

+ Tỏ thái độ phù hợp khi tiếp xúc với người lạ, đôi khi cần sự gợi ý, nhắc nhở của người xung quanh.

+ Bày tỏ thái độ không đồng tình với người thực hiện hành động nguy hiểm.

+ Bày tỏ thái độ đồng cảm với người bị nạn, cảm phục người giúp đỡ, đôi khi cần sự định hướng của người xung quanh.

- **Mức độ chưa tích cực/chưa đúng/chưa phù hợp** (dưới 1 điểm): HS thể hiện thái độ về việc phòng tránh bắt cóc chậm chạp, không tỏ thái độ gì hoặc sợ hãi, bỏ chạy khi nghe, nhìn, xem, tiếp xúc tình huống bắt cóc.

Tiêu chí 3: Phản ứng hành vi của HS khi nghe, nhìn, xem, tiếp xúc,...
Tình huống có nguy cơ bị bắt cóc.

- **Mức độ Cao** (Thuần thực, linh hoạt): (2-4 điểm):

Học sinh thể hiện được các cách thức phòng tránh bắt cóc khi gặp nguy hiểm (trong tình huống giả định):

- + Có hành động tự vệ: nêu và thể hiện được được 3 hành động phù hợp (kêu cứu, vùng vẫy, gọi người giúp đỡ, la hét, kêu cứu, bỏ chạy, nhờ người giúp đỡ, tự xử lý, chờ đợi, che giấu,...)

- + HS biết không tự ý đi theo người lạ; nhờ người lớn giúp; học cách ứng phó, tự vệ.

- + Không đến gần; báo cho cô giáo, người lớn khi thấy những hành động nguy hiểm ở chỗ mình sinh hoạt.

- + Nhắc nhở bạn bè biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm hoặc cảnh giác với người lạ.

- **Mức độ trung bình** (Biết thực hiện đúng): (1- < 2 điểm)

HS thể hiện được các cách thức phòng tránh bắt cóc khi gặp nguy hiểm, đôi khi cần sự định hướng, gợi ý của người lớn:

- + Có hành động tự vệ: thể hiện được 2 hành động phù hợp (kêu cứu, vùng vẫy, gọi người giúp đỡ, la hét, kêu cứu, nhờ người giúp đỡ, tự xử lý, chờ đợi, che giấu,...)

- + HS không tự ý đi theo người lạ; nhờ người lớn giúp; học cách tự vệ;

- + Không đến gần, báo cho cô giáo, người lớn khi thấy những hành động nguy hiểm ở chỗ mình sinh hoạt.

- **Mức độ thấp** (Biết thực hiện nhưng còn lúng túng): (dưới 1 điểm): HS thể hiện được 1 hành động phòng tránh bắt cóc phù hợp.

- + Lúng túng khi tiếp xúc người lạ hoặc bị bắt cóc hoặc không thực hiện được hành động phòng tránh bắt cóc phù hợp với các nơi nguy hiểm, người có thể gây nguy hiểm; khó khăn hoặc không biết làm gì khi nhìn, tiếp xúc người lạ.

- + Chờ đợi thụ động.

2.2.4.2. Thang đánh giá

Mỗi tiêu chí đánh giá mức độ phát triển kỹ năng nhận thức, thái độ, hành vi về phòng tránh bắt cóc của HS theo 3 mức độ.

* Tổ chức đánh giá học sinh:

- Xây dựng tình huống liên quan đến bắt cóc trẻ em, để khảo sát

- + Khả năng nhận diện nguy cơ bị bắt cóc

- + Cách phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc

- + Nhận biết hoặc thể hiện được một số kỹ năng thoát hiểm khi bị bắt cóc

- Các bài tập tình huống có tính chất điển hình được tiến hành với một số học sinh, sau khi học sinh đã được giáo dục phòng tránh bắt cóc qua các hoạt động theo chương trình. Người nghiên cứu đưa ra các yêu cầu, các câu hỏi để học sinh trả lời. Trong những trường hợp cần thiết người nghiên cứu nhắc lại yêu cầu mà không gợi ý, giải thích gì thêm. Trong lúc học sinh thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi, người đó ghi chép thông tin phản hồi hoặc kết quả thực hiện nhiệm vụ vào phiếu đánh giá.

Bảng 2.1. Thang đánh giá kỹ năng phòng tránh bắt cóc ở học sinh lớp 3

Các mặt đánh giá Mức độ	Nhận thức (điểm)	Thái độ (điểm)	Hành vi (điểm)	Đánh giá chung (điểm)
Cao/Tích cực	2 - <4	2 - < 4	2 - < 4	6 - < 12
Trung bình/bình thường	1 - <2	1 - <2	1 - <2	3 - <6
Thấp/chưa tích cực	< 1	< 1	< 1	< 3

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Nhận thức của giáo viên về sự cần thiết cần phải giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3

Chúng tôi tìm hiểu vấn đề này ở giáo viên đã và đang dạy lớp 3: có 8 GV (80%) trong tổng số giáo viên được khảo sát cho rằng việc giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh là rất cần thiết; có 2 GV (20%) giáo viên cho rằng cần thiết. Như vậy 100% giáo viên đánh giá việc giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc là cần thiết đối với học sinh, đánh giá này hoàn toàn phù hợp về mặt lý luận và thực tế. Quá trình hình thành và phát triển cá nhân có rất nhiều yếu tố chi phối, trong đó, yếu tố thể chất (bẩm sinh - di truyền) luôn giữ vai trò tiền đề, cơ sở cho sự phát triển; yếu tố môi trường là điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển cá nhân. Do đó, HS cần được giáo dục những kỹ năng ứng biến khi gặp khó khăn trong cuộc sống hàng ngày để đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần, là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cá nhân. Nếu bất kỳ cá nhân nào không có khả năng đề phòng bắt cóc xảy ra, ứng phó với biến đổi của môi trường hạn chế đều có thể gặp nguy hiểm ở các mức độ nhất định, trong nhiều trường hợp ảnh hưởng đến tính mạng, đến sự tồn tại cá nhân.

Do đó, đây là một nội dung giáo dục trong hệ thống các kỹ năng sống cần được trang bị cho người học, cho tất cả HS và giáo dục càng sớm càng tốt, hoàn

toàn phù hợp với chỉ đạo của các cấp, các ngành (Quyết định số 1248/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 và các Công điện của Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; xây dựng và phân bổ nguồn lực, thực hiện nghiêm các giải pháp, yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về tạo lập môi trường sống an toàn, giảm thiểu tai nạn, thương tích trẻ em tại địa phương; Thông tư số 45/2021/TTBGDDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để bảo đảm môi trường sống an toàn cho trẻ em). Các nhà trường cần phòng ngừa tai nạn, thương tích cho trẻ em, rà soát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chí về Ngôi nhà an toàn, Cộng đồng an toàn, Trường học an toàn theo Quyết định số 548/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với trường Tiểu học, với chức năng, nhiệm vụ giáo dục học sinh lứa tuổi tiểu học, có thể coi việc đảm bảo an toàn cho học sinh là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu: trang bị cho học sinh những nhận thức về những mối nguy hiểm và cách phòng tránh nó. Mặt khác, thời gian học sinh sinh hoạt, vui chơi, học tập,... ở trường chiếm khoảng trên 60% thời gian học sinh hoạt trường lớp có thể ảnh hưởng đến sự an toàn của cá nhân học sinh nếu không được giáo dục về đảm bảo an toàn, thời điểm HS đến trường và tan học,...

2.3.2. Thực trạng giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh

2.3.2.1. Các môn học và các hoạt động giáo dục có nội dung giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3

Để nghiên cứu thực trạng giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh, chúng tôi đã tiến hành quan sát 2 giờ tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống chủ đề Phòng tránh bị bắt cóc theo khung chương trình giáo dục kỹ năng sống của Big Ben, chúng tôi sử dụng phiếu khảo sát giáo viên và học sinh để tìm hiểu về thực trạng tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh của giáo viên và kết quả quá trình giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc thể hiện ở học sinh.

Chúng tôi tìm hiểu các môn học và các động giáo dục có nội dung giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, chúng tôi nhận thấy 100% GV cho rằng giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh được thực hiện trong hoạt động *Giáo dục kỹ năng sống*, tiếp theo là *Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp* (70%), *Hoạt động trải nghiệm* (40%), môn *Đạo đức* (20%) và môn *Tiếng Việt* (10%).

Giáo dục kỹ năng sống nói chung và giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ em nói riêng được tổ chức thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động chuyên đề giáo dục kỹ năng sống trong chương trình tiểu học. Ở đây, các em được tiếp cận nội dung qua các tình huống, các câu chuyện, đoạn phim hoặc các hành động của nhân vật, qua đó các em có hiểu biết, nhận diện về vai trò, ý nghĩa của việc cần thiết hình thành kỹ năng, dấu hiệu và cách thức phòng tránh, các em được thảo luận, trao đổi, tiếp cận nội dung qua nhiều hình thức phong phú như thảo luận, trò chơi, câu đố, đóng kịch, nhập vai,... Mặt khác trong giờ giáo dục kỹ năng sống các em còn được luyện tập, thực hành trong các tình huống giả định, từ đó bước đầu củng cố kiến thức, hình thành thái độ phù hợp và kỹ năng tương ứng. Đối với chủ đề giáo dục phòng tránh kỹ năng bắt cóc, các em nhận diện qua tình huống, câu hỏi, thực hành giả định từ đó có hiểu biết nhận định về nguy cơ trở thành nạn nhân bị bắt cóc, hình thành thái độ đề phòng, cẩn thận khi đi một mình ở nơi vắng vẻ, trời tối, ở nhà một mình hoặc tới những nơi công cộng, đông người, bước đầu tập một số kỹ năng phòng tránh, thoát hiểm, đảm bảo an toàn khi gặp người lạ,...

Bên cạnh đó, việc giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc còn được thực hiện trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hàng năm nhà trường có tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề trong đó có các nội dung giáo dục về kỹ năng sống, tạo môi trường cơ hội cho học sinh củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng để dần hình thành thói quen đảm bảo an toàn cho bản thân như các hoạt động Chợ quê ngày Tết, An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ,... Mặt khác, các nội dung giáo dục kỹ năng sống theo chủ đề cũng được thực hiện trong các hoạt động trải nghiệm với thời lượng 3 tiết/tuần ở 3 hình thức (sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và hoạt động giáo dục theo chủ đề với quy mô lớp học). Ngoài ra, môn Tiếng Việt cũng có tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng sống trong đó có kỹ năng phòng tránh bắt cóc, tuy nhiên, việc tích hợp phụ thuộc vào bản thân mỗi giáo viên khi giảng dạy.

Chúng tôi trao đổi trực tiếp về quá trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống nói chung và kỹ năng phòng tránh bắt cóc nói riêng nhận thấy, thấy thời lượng dành cho giáo dục kỹ năng là không nhiều, do đó, để đảm bảo thời gian, nội dung, học sinh chủ yếu mới nhận diện, có kiến thức cơ bản về kỹ năng phòng tránh bắt cóc, từ đó bước đầu hình thành thái độ cẩn thận, phòng tránh khỏi nguy cơ trở thành nạn nhân bắt cóc. Việc rèn tập để hình thành kỹ năng còn hạn chế vì sĩ số học sinh đông, chủ yếu thực hành trong tình huống giả định và các tình huống

điển hình, số lượt học sinh được thực hành là chưa nhiều. Do đó, nhiều giáo viên sử dụng cách thức kết nối với phụ huynh để phụ huynh hỗ trợ con em rèn tập tại nhà, quay hoặc chụp lại hình ảnh (sản phẩm) gửi giáo viên chia sẻ trước lớp vào buổi học tiếp theo.

2.3.2.2. Các điều kiện cần có để giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3

Chúng tôi tìm hiểu các điều kiện cần có để thực hiện giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, trường tiểu học Ninh Khánh, kết quả như sau:

Bảng 2.2. Các điều kiện cần có để thực hiện giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh

TT	Điều kiện	SL	Tỉ lệ (%)	Thứ bậc
1	Chương trình	3	30.0	8
2	Sách giáo khoa, hệ thống học liệu	8	80.0	3
3	Đội ngũ giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng	7	70.0	6
4	Cơ sở vật chất phục vụ học tập	7	70.0	6
5	Môi trường cho học sinh thực hành	8	80.0	3
6	Sự phối hợp các lực lượng giáo dục	8	80.0	3
7	Tính tích cực của học sinh	9	90.0	1
8	Sự ủng hộ của gia đình, cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan	9	90.0	1

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy 90% GV cho rằng tính tích cực của học sinh là điều kiện cần có để thực hiện giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh; tiếp theo là sách giáo khoa, hệ thống học liệu, môi trường cho học sinh thực hành và sự phối hợp các lực lượng giáo dục (80%); đội ngũ GV được đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở vật chất phục vụ học tập (70%) và chương trình (30%).

Học tập là một quá trình nhận thức đặc biệt, trong đó người học đóng vai trò chủ thể. Hiệu quả học tập của học sinh chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong đó, tính tích cực học tập đóng vai trò quyết định. Để nâng cao hiệu quả học tập của người học thì vấn đề tích cực hóa hoạt động học tập là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của người thầy trong quá trình dạy học. Tính tích cực

của học sinh có vai trò rất quan trọng trong việc tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng mà giáo viên truyền đạt cũng như có hứng thú với môn học và tự tìm tòi những kiến thức mới. Tính tích cực ở học sinh tiểu học không chỉ giúp người học lĩnh hội nội dung kiến thức mà còn hình thành và phát triển cách học. Mặt khác tính tích cực của học sinh còn giúp học sinh nắm vững, hiểu sâu kiến thức, luôn luôn củng cố và phát triển cách học của mình, phát triển những phẩm chất đạo đức cá nhân như tính kiên trì, lòng nhẫn nại, tinh thần trách nhiệm và ý thức tập thể,... Đối với chủ đề giáo dục phòng tránh kỹ năng bắt cóc thì tính tích cực của học sinh giúp các em thực hiện được những kỹ năng phòng tránh, thoát hiểm, đảm bảo an toàn khi gặp người lạ,... và bảo vệ bản thân khỏi những tình huống nguy hiểm, hình thành thái độ đề phòng, cẩn thận khi đi một mình ở nơi vắng vẻ, trời tối, ở nhà một mình hoặc tới những nơi công cộng, đông người,...

Bên cạnh đó, sách giáo khoa, hệ thống học liệu là một trong những điều kiện cần có để thực hiện giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh. Sách giáo khoa, hệ thống học liệu là nguồn tài nguyên hữu ích cho cả giáo viên với tư cách là người giảng dạy và học sinh tiếp thu kiến thức. Để đảm bảo học sinh lĩnh hội được kiến thức và hình thành các kỹ năng phòng tránh bắt cóc thì vai trò của đội ngũ giáo viên là rất cần thiết. Không những thế, sự phối hợp các lực lượng giáo dục cũng là một trong những điều kiện cần có để thực hiện giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh. Để giúp học sinh thực hiện được các kỹ năng và những kiến thức cơ bản thì cần phải có sự hướng dẫn của những người chuyên môn hay tổ chức được những buổi rèn luyện kỹ năng cần phải có sự phối hợp giữa những lực lượng giáo dục khác. Việc giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh còn được thực hiện qua các hoạt động thực hành vì thế nên môi trường cho học sinh thực hành rất cần thiết. Môi trường thực hành phải rộng rãi, đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho việc thực hành để học sinh dễ thực hiện và tạo ra được những tình huống thực tế.

Đội ngũ giáo viên phải được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, phải hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng phòng tránh bắt cóc thì mới truyền đạt được đến người học. Ngoài ra, cơ sở vật chất cũng là điều kiện cần có để thực hiện giáo dục phòng tránh bắt cóc cho HS. Cơ sở vật chất tốt sẽ giúp hoạt động dạy của GV và hoạt động học của học sinh thực hiện một cách dễ dàng, đáp ứng đủ điều kiện để học tập và thực hiện các kỹ năng cần thiết. Bên cạnh đó, giáo viên cho rằng chương trình học cũng là một điều kiện cần có để thực hiện giáo dục phòng tránh bắt cóc cho HS. Chương trình học được hệ thống đầy

đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho học sinh, tuy nhiên giáo viên có thể biến đổi phù hợp với cách dạy và phù hợp với HS từng nơi để hình thành được kiến thức và kỹ năng cho học sinh một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất.

2.3.2.3. Các hình thức giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh

Nhóm nghiên cứu đã khảo sát các hình thức giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 ở trường tiểu học Ninh Khánh, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.3. Các hình thức giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh

TT	Mức độ Hình thức	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ	TBC	Thứ bậc
1	Tham quan	0	6	4	1.6	6
2	Cắm trại	0	4	6	1.4	9
3	Trò chơi	7	3	0	2.7	1
4	Hoạt động câu lạc bộ	5	5	0	2.5	3
5	Sân khấu hóa (đóng kịch)	4	6	0	2.4	4
6	Các hoạt động xã hội/tình nguyện	0	6	4	1.6	6
7	Hoạt động chiến dịch	0	5	5	1.5	8
8	Hội thi/cuộc thi	1	7	2	1.9	5
9	Sinh hoạt tập thể (múa, hát)	6	4	0	2.6	2

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Thường xuyên: 3 điểm

Đôi khi: 2 điểm

Không bao giờ: 1 điểm

Kết quả thu được cho thấy: giáo viên đã sử dụng khá nhiều các hình thức giáo dục khác nhau nhằm giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho trẻ. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức giáo viên vẫn chưa phát huy hết tác dụng của các hình thức đó, chưa thực sự biết sử dụng phối hợp linh hoạt các hình thức khác nhau nhằm phát huy tối đa hiệu quả của mỗi hình thức. Cụ thể:

Hình thức trò chơi được sử dụng nhiều (điểm trung bình 2.7): có 7 giáo viên thường xuyên sử dụng hình thức này, có 3 giáo viên đôi khi mới sử dụng

hình thức trò chơi, bởi họ ngại tạo ra các đồ dùng dành cho trò chơi còn thiếu thốn. Tuy nhiên qua các buổi hoạt động tôi nhận thấy rằng các trò chơi được sử dụng rất linh hoạt, khuyến khích được sự tích cực, kích thích tính hợp tác ở trẻ.

Hình thức tham quan: Qua phiếu điều tra có 6 giáo viên họ cho rằng đôi khi sử dụng hình thức tham quan trong quá trình tổ chức giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 và có 4 giáo viên trả lời không bao giờ họ sử dụng đến hình thức này. Chúng tôi nhận thấy rằng khi sử dụng hình thức này giáo viên cần phải phân bổ thời gian hợp lý, có lẽ đây chính là lý do lớn nhất. Vì thế không có giáo viên nào thường xuyên sử dụng hình thức này trong quá trình tổ chức giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh. Đây chính là hạn chế trong việc giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh.

Hình thức cắm trại ít được sử dụng nhất (1.4), chỉ có 4 giáo viên đôi khi sử dụng hình thức này, 6 giáo viên không bao giờ sử dụng hình thức này và không có giáo viên nào thường xuyên sử dụng hình thức cắm trại trong quá trình giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3. Ở hình thức cắm trại này cũng gần giống như hình thức tham quan, khi thực hiện hình thức này giáo viên cần bố trí thời gian, địa điểm cụ thể và lên kế hoạch cụ thể để tổ chức được một buổi cắm trại phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cũng như phù hợp với việc giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh.

Hình thức hoạt động câu lạc bộ được sử dụng khá nhiều (2.5). Thực tế cho thấy, ở trường Tiểu học có câu lạc bộ, nhưng hầu như các buổi hoạt động câu lạc bộ chưa thấy được phổ biến nhiều nên HS chưa được tham gia nhiều vào các câu lạc bộ này.

Hình thức sân khấu hóa: Qua phiếu điều tra có 4 giáo viên thường xuyên sử dụng hình thức này và 6 giáo viên đôi khi mới sử dụng hình thức sân khấu hóa. Việc sử dụng sân khấu hóa tạo các tình huống trong giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh nhằm giúp học sinh mô phỏng lại các vụ bắt cóc hoặc các biện pháp xử lý khi bị bắt cóc. Tuy nhiên, qua điều tra chúng tôi thấy một số ít giáo viên sử dụng hình thức này trong dạy học và còn rất nhiều giáo viên chưa thường xuyên áp dụng hình thức sân khấu hóa trong dạy học. Chính vì vậy học sinh chưa có cơ hội trải nghiệm trong các vai diễn khác nhau.

Các hình thức hoạt động xã hội/tình nguyện, hình thức hoạt động chiến dịch và hoạt động tình nguyện: không có giáo viên nào thường xuyên sử dụng các hình thức mà chỉ đôi khi mới sử dụng để phục vụ cho việc dạy học của giáo viên và có những giáo viên không bao giờ sử dụng một trong các hình thức

này. Thực tế chúng tôi thấy việc sử dụng những hình thức này vào giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh là chưa được phổ biến bởi do nhiều nguyên nhân khác nhau chưa được khắc phục triệt để, giáo viên mới chỉ đang sử dụng các hình thức cơ bản và phổ biến để tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh. Song không phải vì thế và các hình thức này ít sử dụng đi, thay vào đó giáo viên nên tích cực hơn trong quá trình sử dụng các hình thức này.

Hình thức hội thi/cuộc thi và hình thức sinh hoạt tập thể (múa, hát): Chỉ có 1 giáo viên thường xuyên sử dụng nhưng hình thức sinh hoạt tập thể có tới 6 giáo viên thường xuyên sử dụng hình thức này, qua đó cho thấy hình thức hội thi/cuộc thi thường sẽ là quy mô tổ chức lớn hơn và cần đầu tư nhiều thời gian hơn, cũng chính vì vậy mà học sinh chưa có nhiều cơ hội tham gia các cuộc thi trong khi học các kỹ năng ở Tiểu học.

2.3.2.4. Các biện pháp gây hứng thú trong giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3

Để làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu, chúng tôi khảo sát các biện pháp gây hứng thú trong giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, kết quả thu được ở bảng sau:

Bảng 2.4. Các biện pháp gây hứng thú trong giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh

TT	Mức độ sử dụng Các biện pháp	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ	TBC	Thứ bậc
1	Tổ chức hoạt động khởi động tạo ấn tượng, cảm xúc vui vẻ	8	2	0	2.8	3
2	Sử dụng các trò chơi	4	6	0	2.4	7
3	Khai thác kinh nghiệm đã có của HS	9	1	0	2.9	1
4	Tạo tình huống kích thích HS tìm các giải pháp hoặc thực hiện kỹ năng thực hành	7	3	0	2.7	5
5	Phối hợp nhiều phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động linh hoạt	4	6	0	2.4	7

6	Sử dụng phim minh họa	7	3	0	2.7	5
7	Tổ chức cho HS tự nhận xét và nhận xét bạn trong các hoạt động	8	2	0	2.8	3
8	Khích lệ, động viên học sinh	9	1	0	2.9	1

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Thường xuyên: 3 điểm

Đôi khi: 2 điểm

Hiếm khi: 1 điểm

Với kết quả thu được, chúng tôi nhận thấy rằng biện pháp mà GV thường xuyên sử dụng nhất để tạo hứng thú cho HS là: “Khai thác kinh nghiệm đã có của học sinh” với (điểm trung bình 2.9); “Khích lệ, động viên học sinh” với (điểm trung bình 2.9). Thông qua việc phỏng vấn GV về các biện pháp thường sử dụng để gây hứng thú cho HS khi tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh, 90% GV đều cho việc khai thác kinh nghiệm đã có của học sinh sẽ tác động trực tiếp đến hứng thú của HS trong cả hoạt động. Để tạo được hứng thú cho HS trong hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc thì giáo viên phải khai thác những kinh nghiệm đã có, huy động vốn kiến thức của học sinh về các hoạt động, kỹ năng phòng tránh bắt cóc để giáo viên biết được khả năng cũng như kiến thức mà học sinh có được từ đó giúp giáo viên đưa ra những phương pháp dạy học, hình thức tổ chức phù hợp.

Biện pháp khích lệ, động viên học sinh cũng là một biện pháp hữu dụng mà mọi GV đều sử dụng thường xuyên để tạo hứng thú cho HS. Khi GV khích lệ động viên kịp thời thì học sinh sẽ cảm thấy vui vẻ, hào hứng và càng chủ động tích cực tham gia hoạt động hơn. Đây là một biện pháp đơn giản nhưng có tác dụng vô cùng mạnh mẽ trong việc khơi gợi hứng thú cho học sinh trong hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc. Để tránh việc lặp đi lặp lại gây nhàm chán khiến học sinh không hứng thú mà biện pháp phối hợp phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động được tất cả GV tại trường thường xuyên sử dụng, thay đổi linh hoạt trong từng nội dung hoạt động để phù hợp với nhu cầu hứng thú của học sinh cũng như điều kiện thực tế.

Tiếp theo là biện pháp tổ chức hoạt động khởi động tạo ấn tượng, cảm xúc vui vẻ (điểm trung bình 2.8). Ở bất kì hoạt động nào, trước khi dẫn dắt học sinh

vào nội dung chính của hoạt động GV đều tổ chức khơi gợi hứng thú cho trẻ. Qua quan sát chúng tôi thấy để khởi động tạo ấn tượng, cảm xúc vui vẻ cho trẻ GV thường tổ chức cho trẻ hát một bài hát liên quan đến chủ đề hay sử dụng câu đố vui hay những trò chơi liên quan đến bài học cũ... qua đó kích thích trẻ giúp trẻ có tâm thế vui vẻ, tích cực tham gia vào hoạt động chính.

Biện pháp “Tổ chức cho học sinh tự nhận xét và nhận xét bạn trong các hoạt động” cũng được GV sử dụng hiệu quả. Tự nhận xét bản thân là một hoạt động quan trọng, nó giúp cho học sinh nhận thức rõ hơn về bản thân mình: biết mình là ai, mình có những điểm chung và những điểm riêng nào so với những người khác; thể hiện sự tự tin và tính kiên định để có thể giải quyết vấn đề và ra quyết định hiệu quả để từ đó học sinh biết phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu để bản thân trở nên tốt hơn. Việc giáo viên tổ chức cho HS nhận xét bạn là để giúp các em nhận ra được những điểm mạnh và điểm yếu của bạn, từ đó học hỏi những điểm mạnh; đánh giá đúng và góp ý những điểm yếu của bạn để bạn tiến bộ hơn. Ngoài ra việc tổ chức cho HS nhận xét bạn giúp các em tự tin, dám nói lên quan điểm, ý kiến của bản thân trước đám đông.

Đối với hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc thì việc lựa chọn phương pháp “Tạo tình huống kích thích học sinh tìm các giải pháp hoặc thực hiện kỹ năng thực hành” (điểm trung bình 2,7); “Sử dụng phim minh họa” (điểm trung bình 2,7) là không thể thiếu, GV sử dụng hai phương pháp này khá nhiều để giúp HS tìm ra các giải pháp hay thực hiện kỹ năng thực hành. Các tình huống được giáo viên sử dụng trong hoạt động chủ yếu là: Người lạ cho đồ ăn, không được đến trường quá sớm, không được đi một mình ở nơi vắng vẻ, không nên đi theo người lạ... đây là các tình huống để giáo viên truyền đạt nội dung kiến thức, hình thành cho HS những kỹ năng phòng tránh khi gặp các tình huống nguy hiểm. Từ các tình huống đó HS tìm ra được những giải pháp an toàn và phù hợp. Qua các tình huống đó, HS được thực hành trực tiếp, đóng vai từ đó HS sẽ lĩnh hội kiến thức và phát triển kỹ năng phòng tránh bắt cóc. Phim minh họa được GV đưa vào như: các thước phim về những vụ bắt cóc trẻ em, thước phim minh họa lại các tình huống nguy hiểm... để giúp học sinh tiếp cận được những tình huống thực tế, từ đó HS sẽ hình thành được những kỹ năng phòng tránh bắt cóc.

Biện pháp “Sử dụng các trò chơi” (điểm trung bình 2,4); “Phối hợp nhiều phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động linh hoạt” (điểm trung bình 2,4) cũng được giáo viên sử dụng nhưng chưa nhiều. Thực tế GV đã có chú ý đến việc sử

dụng các trò chơi nhưng vẫn còn hạn chế, nhiều trò chơi đôi khi còn chưa gây hứng thú cho HS, nặng nội dung, kiến thức làm cho HS bị nhàm chán, không tạo không khí sôi động cho lớp học nên hiệu quả sử dụng chưa được cao. GV cũng phối hợp nhiều phương pháp, hình thức tổ chức nhưng chưa được linh hoạt và hiệu quả. GV chưa sử dụng linh hoạt nhiều các phương pháp dạy học tích cực, hình thức tổ chức còn đơn giản nên hiệu quả sử dụng chưa được cao.

Thông qua việc nghiên cứu kế hoạch hoạt động của giáo viên, thông qua quan sát, dự giờ hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc, chúng tôi nhận thấy: bên cạnh những biện pháp giáo viên đã sử dụng trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc, việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đúng kế hoạch đảm bảo mục tiêu, nội dung, vận dụng phối kết hợp linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động, khai thác tối ưu điều kiện cơ sở vật chất, đồ dùng đồ chơi phục vụ hoạt động góp phần làm tăng hứng thú cho HS.

2.3.3. Kết quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc ở học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh

Cùng với việc tìm hiểu quá trình giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc ở học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh, để làm rõ thực trạng quá trình này, chúng tôi tìm hiểu kết quả giáo dục ở học sinh qua đánh giá của giáo viên và qua phỏng vấn, quan sát học sinh, kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2.5. Đánh giá của giáo viên về kết quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc ở học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh

TT	Biểu hiện	Mức độ			TBC	Thứ bậc
		1	2	3		
1	Hiểu những nguy cơ dễ bị bắt cóc: nơi nguy hiểm, người có thể gây nguy hiểm	6	4	0	2.6	1
2	Nhận diện được nguy cơ/tình huống dễ bị bắt cóc: nơi nguy hiểm, người có thể gây nguy hiểm	4	6	0	2.4	3
3	Biết cách phòng tránh bắt cóc	3	7	0	2.3	4

4	Thực hiện được các kỹ năng phòng tránh bắt cóc GV đã hướng dẫn: khi ở nhà một mình không mở cửa cho người lạ vào, không nghe theo, đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ, không đi ra cổng trường một mình khi bố mẹ đến đón muộn, không đi học quá sớm...	3	7	0	2.3	4
5	Biết được những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận	6	4	0	2.6	1
6	Trình bày được cách phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc	2	6	2	2	7
7	Trình bày được các chiến thuật, kỹ thuật thoát hiểm khi bị bắt cóc (4 chiến thuật)	1	7	2	1.9	8
8	Có khả năng vận dụng hiểu biết và kỹ năng đã học trong học tập, sinh hoạt, vui chơi	2	8	0	2.2	6
Trung bình					2.29	

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1: Tốt/Cao: 3 điểm; Mức 2: Đạt/Trung bình: 2 điểm; Mức 3: Chưa đạt/Thấp: 1 điểm

Với kết quả thu được từ đánh giá của giáo viên cho thấy đạt trung bình trở lên, các em đã nhận thức được những nguy cơ và cách phòng tránh bắt cóc cho bản thân, bước đầu đã có một vài kỹ năng thoát hiểm.

Đánh giá về mức độ tích cực của học sinh trong hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc, chúng tôi tiến hành khảo sát và thu được kết quả sau:

Bảng 2.6. Đánh giá của giáo viên về mức độ tích cực trong học tập, rèn luyện kỹ năng phòng tránh bắt cóc của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh

TT	Biểu hiện	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	TBC	Thứ bậc
1	Khả năng tập trung chú ý của học sinh trong hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc (nhận thức)	9	1	0	2,9	1

2	Sẵn sàng giải quyết được các nhiệm vụ học tập	4	6	0	2,4	4
3	Tích cực tham, gia hoạt động	6	4	0	2,6	2
4	Thực hiện các hành vi/hoạt động theo hướng dẫn	6	4	0	2,6	2
5	Có khả năng hợp tác trong làm việc nhóm	3	7	0	2,3	5
6	Có khả năng vận dụng hiểu biết, kỹ năng trong giải quyết nhiệm vụ theo yêu cầu của GV	1	9	0	2,1	6
7	Có khả năng sáng tạo trong giải quyết các nhiệm vụ theo yêu cầu của GV	1	9	0	2,1	6
Trung bình					2,4	

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1: Tốt/Cao: 3 điểm; Mức 2: Đạt/Trung bình: 2 điểm; Mức 3: Chưa đạt/Thấp: 1 điểm

Kết quả thu được cho thấy học sinh rất tích cực trong học tập, rèn luyện kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ em, thực chất trong hoạt động này các em được xem các đoạn phim, được chia sẻ, thực hành, tạo cảm giác thoải mái, vui tươi.

Qua trao đổi với GV giảng dạy Trường Tiểu học Ninh Khánh về kết quả học tập, rèn luyện kỹ năng phòng tránh bắt cóc của HS lớp 3, các cô đánh giá qua quá trình tổ chức trên lớp hầu hết HS nhận biết được các tình huống có nguy cơ dẫn đến bắt cóc, các biện pháp phòng tránh, hình thành thái độ đề phòng cảnh giác và bước đầu thực hiện được một số kỹ năng phòng tránh, thoát hiểm.

Chúng tôi tìm hiểu quá trình học tập, rèn luyện kỹ năng phòng tránh bắt cóc và kết quả giáo dục đạt được ở học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh qua tự đánh giá của các em, qua quan sát và qua phỏng vấn, kết quả cụ thể như sau:

**Bảng 2.7. Tự đánh giá của học sinh
về thái độ của bản thân khi học kỹ năng phòng tránh bắt cóc**

STT	Mức độ	Số lượng
	Hình thức	
1	Rất vui (thích, hài lòng)	75

2	Bình thường	30
3	Không thích	4
4	Chán	1

Hầu hết HS thích thú khi được tham gia hoạt động giáo dục kỹ năng sống, các em cảm thấy thoải mái, được thể hiện, được chia sẻ, đóng vai, nhận xét các bạn. Qua quan sát giờ hoạt động (ngày 28 và 31/3/2023), chúng tôi nhận thấy không khí lớp học rất sôi động. Các hình thức được GV tổ chức linh hoạt, GV sử dụng phối hợp nhiều phương pháp, như nhóm phương pháp: dùng lời, giải thích, minh họa, cho HS quan sát mẫu, tổ chức cho HS chia sẻ trải nghiệm, kinh nghiệm của bản thân; GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hành tại gia đình và phối hợp với phụ huynh quay lại gửi cô giáo đánh giá, khen ngợi, nêu gương.

Cùng với đó chúng tôi tham gia quan sát dự giờ đánh giá tiết dạy học kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho HS lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh, chúng tôi nhận thấy tiết học diễn ra theo đúng quy trình, GV và HS đều có sự tương tác với nhau thông qua các hoạt động. Các em đều hào hứng trong mỗi hoạt động, tích cực tham gia xây dựng bài, giải quyết các tình huống phòng tránh bắt cóc cơ bản, HS vui vẻ đón nhận lời khuyên từ GV và tiếp thu những bài học quan trọng. Không khí lớp học hài hòa, không chèn ép, không căng thẳng. Tuy nhiên, trong giờ hoạt động, vẫn còn một số em chưa được tham gia hoạt động, do nhút nhát hoặc lớp học đông, cô giáo không tổ chức cho tất cả HS thực hành được, đây là nguyên nhân dẫn đến các em có biểu hiện không thích hoặc chán. Một số ít các em HS chưa thực sự chú ý tới bài dạy, không tiếp thu được kiến thức kỹ năng cơ bản. Có thể là do các em chưa có động cơ học, chưa nhận biết được tầm quan trọng của việc học.

Chúng tôi tìm hiểu về tự đánh giá các hoạt động mà học sinh được tham gia trong giờ giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.8. Tự đánh giá của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh về các hoạt động được tham gia trong khi học kỹ năng phòng tránh bắt cóc

STT	Hoạt động	Số lượng
1	Được xem phim, video về phòng tránh bắt cóc	110
2	Được quan sát cô làm mẫu các kỹ thuật, chiến thuật thoát hiểm (hoặc người làm mẫu trong phim)	110

3	Được cô giáo hướng dẫn, làm theo	57
4	Được thực hành, luyện tập	46
5	Được tự nhận xét	6
6	Được nhận xét, đánh giá bạn	39
7	Được các bạn nhận xét, đánh giá	37
8	Được cô giáo nhận xét, đánh giá	48

Kết quả khảo sát cho thấy học sinh được tham gia các hoạt động theo quy trình giáo dục kỹ năng sống. Tuy nhiên, khi trao đổi với GV, chúng tôi nhận thấy do sĩ số lớp đông và thời gian học tập trên lớp không nhiều, nên đối với nội dung tổ chức cho học sinh quan sát, cô làm mẫu được thực hiện cho cả lớp học. Đối với việc hướng dẫn và tổ chức cho học sinh thực hành thì có những kỹ năng giáo viên tổ chức cho toàn thể học sinh thực hành cá nhân tại lớp học, có một số kỹ năng giáo viên chỉ mời đại diện điển hình theo nhóm hoặc một số học sinh thực hành, sau đó, giáo viên giao cho các em về nhà tự tập cùng với sự trợ giúp của cha mẹ, người thân.

Chúng tôi tìm hiểu về tự đánh giá kết quả đạt được của bản thân học sinh sau giờ giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc, kết quả thu được như sau:

Kết quả cho thấy, các em tự đánh giá đạt mức trung bình về nhận thức các nguy cơ bị bắt cóc, bước đầu biết các kỹ thuật thoát hiểm. Trao đổi với các em, nhiều em cho rằng một số bạn được thực hành, nhiều bạn cô giao về nhà tiếp tục thực hành và nhờ bố mẹ quay lại gửi cho cô giáo. Chúng tôi khảo sát học sinh về các hình thức giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc kết quả cho thấy hình thức sân khấu hóa, đóng kịch, sinh hoạt tập thể, trò chơi là những hình thức các em được tham gia nhiều nhất.

Khảo sát kết quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc của học sinh qua tự đánh giá của các em, kết quả như sau:

Bảng 2.9. Tự đánh giá của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh về nhận thức và kỹ năng phòng tránh bắt cóc của bản thân

STT	Kỹ năng	Số lượng
1	Biết được những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận.	60
2	Nhận diện được những người có thể gây nguy hiểm.	47
3	Nhận diện được những nơi nguy hiểm.	49

4	Trình bày được những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận.	26
5	Nhận diện được nguy cơ/tình huống dễ bị bắt cóc: nơi nguy hiểm, người có thể gây nguy hiểm	37
6	Trình bày được cách phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc.	32
7	Trình bày được các chiến thuật, kỹ thuật thoát hiểm khi bị bắt cóc (4 chiến thuật).	53
8	Thực hành được các kỹ thuật thoát hiểm.	47
9	Vận dụng được các kỹ thuật thoát hiểm trong tình huống giả định.	36
10	Áp dụng được các cách phòng tránh bắt cóc khi ở nhà một mình, khi ở trường trước và sau giờ học.	53
11	Thực hiện được các kỹ năng phòng tránh bắt cóc cô giáo đã dạy: khi ở nhà một mình không mở cửa cho người lạ vào, không nghe theo, đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ, không đi ra cổng trường một mình khi bố mẹ đến đón muộn, không đi học quá sớm...	90

Chúng tôi thấy đa số học sinh đều cho rằng sau khi được học các kỹ năng phòng tránh bắt cóc, thì kỹ năng mà học sinh tự đánh giá có được là *Biết được những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận* với số lượng là 60/125 học sinh lựa chọn. Đây chính là kỹ năng mà học sinh dễ thấy nhất, dễ dàng nhận được sau các hoạt động giáo dục phòng tránh bắt cóc. Về cơ bản, học sinh sẽ biết được, cảm nhận được nguy hiểm sắp đến gần khi có người lạ tiếp xúc với mình, hình dung được trước những tình huống xấu học sinh có thể sẽ gặp phải từ đó bản thân học sinh sẽ có những phương pháp để đề phòng mình sẽ bị bắt cóc. Qua quá trình phỏng vấn các bạn học sinh, thì chúng tôi nhận lại được kết quả học sinh tiếp thu được kỹ năng này nhiều hơn là điền phiếu. Bởi đây chính là kỹ năng cơ bản nhất sau khi các em được học các bài học về phòng tránh bắt cóc.

Chúng tôi khảo sát bằng câu hỏi mở đối với giáo viên về những kinh nghiệm (biện pháp) để nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp Trường Tiểu học Ninh Khánh.

1. Giáo viên cần có kiến thức, có kinh nghiệm, có các biện pháp và hình thức tổ chức linh hoạt các hoạt động linh hoạt để gây hứng thú cho học sinh

2. Để làm tốt thì phải có tài liệu phù hợp, cung cấp tài liệu kịp thời, minh chứng từ thực tế, thời gian để làm tốt

3. Tiến hành thường xuyên, tăng cường cho học sinh thực hành; trao đổi, phối hợp với phụ huynh học sinh

4. Tăng cường các biện pháp thực hành cho học sinh

5. Tăng cường thực hành, phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh

6. Tạo hứng thú học sinh trước khi vào bài học. Thường xuyên giáo dục trong lớp học cũng như các hoạt động trải nghiệm

Chúng tôi quan sát và trò chuyện với 40 học sinh lớp 3, quan sát học sinh thực hành trong tình huống giả định tại giờ tổ chức hoạt động, quan sát học sinh thực hiện bài tập khảo sát, đồng thời tìm hiểu tư liệu do gia đình học sinh quay khi cho con thực hành kỹ năng phòng tránh bắt cóc tại nhà, trao đổi trực tiếp với giáo viên tổ chức hoạt động về nhận thức, thái độ, biểu hiện hành vi kỹ năng của học sinh và những nội dung liên quan đến phòng tránh bắt cóc trẻ em. Căn cứ vào thông tin thu được qua trò chuyện, trao đổi, kết quả quan sát, tiêu chí, thang đo cho thấy hầu hết học sinh nhận thức được nguy cơ bị bắt cóc, các tình huống dễ nảy sinh bắt cóc, các biện pháp phòng tránh và bước đầu thực hành một số biện pháp thoát hiểm đơn giản, kết quả cụ thể được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.10. Kết quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Ninh Khánh

Cao		Trung bình		Thấp	
SL	%	SL	%	SL	tỷ lệ %
6	15.00	23	57.50	11	27.50

Chúng tôi trao đổi về mong muốn của các em khi học về phòng tránh bắt cóc, các ý kiến chủ yếu cho rằng vui khi được tham gia hoạt động, mong muốn thầy, cô dạy nhiều biện pháp phòng tránh bắt cóc hơn, xây dựng nhiều tình huống/kịch về bắt cóc để em biết cách thoát hiểm, được xem nhiều hướng dẫn phòng tránh bắt cóc.

Có thể nói, các em có nhu cầu được học tập rèn luyện kỹ năng để phòng tránh bắt cóc, đảm bảo an toàn cho bản thân, muốn được thực hành để thể hiện bản thân.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh

Qua khảo sát thực trạng bằng phiếu hỏi, trao đổi với giáo viên và học sinh chúng tôi nhận thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kết quả giáo dục kỹ năng

phòng tránh bắt cóc trẻ em, đó là yếu tố từ phía bản thân học sinh như trình độ nhận thức, tính tích cực khi tham gia hoạt động, thực hành. Bên cạnh đó, các yếu tố thuộc nhà trường, gia đình cũng ảnh hưởng rõ rệt, bao gồm điều kiện cơ sở vật chất, chương trình, thời lượng cho mỗi hoạt động, năng lực của giáo viên, sự hỗ trợ, tạo điều kiện của gia đình học sinh trong tổ chức thực hành, sự trao đổi, trò chuyện, củng cố hiểu biết cho con, em tại gia đình.

Chúng tôi thực hiện khảo sát và thu được kết quả những khó khăn trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh

Bảng 2.11. Những khó khăn trong quá trình tổ chức HDGD kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh

TT	Mức độ Khó khăn	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ	TBC
1	Thiếu nguồn tài liệu	2	3	5	1.7
2	Thiếu kiến thức, kỹ năng cơ bản về lĩnh vực này.	2	3	5	1.7
3	Lúng túng trong việc sử dụng các biện pháp giáo dục	0	5	5	1.5
4	Thiếu cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục, tài liệu trực quan: mô hình, băng đĩa,...	2	8	0	2.2
5	Khó khăn trong việc phối hợp với phụ huynh.	0	10	0	2
6	Ít được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên sâu	1	9	0	2.1
7	Số lượng học sinh trong lớp đông.	0	10	0	2
8	Ít thời gian dành cho học sinh thực hành sử dụng kỹ năng	3	7	0	2.3
9	Phụ thuộc vào tài liệu, học liệu được cung cấp	1	7	2	1.9

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Thường xuyên: 3 điểm

Đôi khi: 2 điểm

Không bao giờ: 1 điểm

Chúng tôi tiến hành khảo sát qua phiếu trưng cầu ý kiến thấy những khó khăn trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh mà giáo viên thường gặp phải nhiều nhất là “Ít thời gian dành cho học sinh thực hành sử dụng kỹ năng” với (điểm trung bình 2.3) và “Thiếu cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục, tài liệu trực quan: mô hình, băng đĩa,...” với (trung bình cộng 2.2).

Thông qua việc phỏng vấn GV về các khó khăn thường gặp phải trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc thì vấn đề thiếu cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục, tài liệu trực quan: mô hình, băng đĩa,... và khó khăn trong việc phân bổ thời gian cho học sinh sử dụng kỹ năng là những khó khăn gây cản trở không ít cho GV. Khó khăn về mặt vật chất gây hạn chế đến quá trình truyền đạt kiến thức của GV tới HS. GV thiếu thôn công cụ trực quan như để hình thành khái niệm kiến thức, xây dựng kỹ năng cho HS, cũng như sẽ vất vả trong miêu tả những nội dung của kiến thức một cách sinh động. GV thiếu những tài liệu trực quan như băng đĩa, video, hình ảnh,... khiến HS khó để phát huy khả năng sáng tạo, trí tưởng tượng của HS bị bí bách. Ít thời gian dành cho học sinh thực hành sử dụng kỹ năng khiến HS có ít cơ hội để học sinh thực hành, vận dụng thực hành các kỹ năng được học.

Ngoài những khó khăn điển hình nêu trên, qua khảo sát chúng tôi còn thấy khó khăn về phía GV ít được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng chuyên sâu, khó khăn về việc phối hợp với phụ huynh HS, số lượng HS đông; GV phụ thuộc vào tài liệu, học liệu được cung cấp; hay thiếu nguồn tài liệu, thiếu kiến thức, kỹ năng cơ bản về lĩnh vực này và lúng túng trong việc sử dụng các biện pháp giáo dục. Tất cả những khó khăn đó dẫn đến tiến trình dạy học chưa hợp lý, nhẹ nhàng, các hoạt động học diễn ra chưa tự nhiên, chưa hiệu quả, các kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho HS không được khai thác triệt để và HS không nắm chắc được các kỹ năng cần thiết.

Thông qua việc nghiên cứu kế hoạch hoạt động dạy học của GV, thông qua quan sát, dự giờ, chúng tôi nhận thấy rằng những khó khăn nêu trên đều là những khó khăn mà GV thường gặp. Tuy nhiên để khắc phục những vấn đề đó cần có sự kết hợp cả về phía nhà trường và phía HS. Bất kì khó khăn nào cũng có thể khắc phục và cải thiện. Như vậy để thực hiện tốt quá trình dạy kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho HS thì GV phát huy những ưu điểm và khắc phục

những nhược điểm hiện tại. Việc phối hợp khéo léo các phương pháp dạy sẽ phát huy tính tích cực và sự hợp tác của HS.

2.5. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục quá trình giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 như sau:

- Xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp, phương tiện, xây dựng kế hoạch tổ chức giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 phù hợp chương trình, điều kiện nhà trường, đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh .

- Tăng cường bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ học tập cho học sinh: đoạn phim, học liệu phục vụ xây dựng tình huống giáo dục và tổ chức thực hành cho học sinh, tạo hứng thú và môi trường sinh động phát huy tính tích cực của học sinh.

- Xác định rõ ràng các hoạt động, mục tiêu, cách thức tiến hành từng hoạt động phù hợp mục tiêu, nội dung, điều kiện nhà trường. GV tổ chức hoạt động đảm bảo quy trình các bước hình thành kỹ năng, cố gắng tạo điều kiện để tất cả học sinh được thực hành, được trải nghiệm.

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động, khích lệ, động viên trẻ, khai thác vốn kinh nghiệm của trẻ.

- Trong nhận xét đánh giá, giáo viên đánh giá đúng các quy định hiện hành, đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học, khích lệ tạo động lực tham gia hoạt động cho học sinh; trong đánh giá cần có sự phối hợp với phụ huynh, học sinh trong lớp (đánh giá đồng đẳng).

- GV cần xây dựng các tình huống đa dạng cho học sinh được thực hành; xây dựng các nhiệm vụ học tập cho học sinh, trong đó, phối hợp với phụ huynh phát huy sự hỗ trợ tạo môi trường học tập, thực hành cho học sinh.

- Bản thân giáo viên luôn cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ để tổ chức hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung, kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ em nói riêng.

Kết luận chương 2

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục quá trình giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh, chúng tôi thấy rằng:

Hầu hết các GV có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3. Việc giáo dục kỹ năng này thực hiện thông qua môn học và hoạt động giáo dục kỹ năng sống. Trong quá trình giáo dục GV sử dụng các hình thức và biện pháp tạo hứng thú, trang bị kiến thức, hình thành kỹ năng cho học sinh. Giáo viên có gặp một số khó khăn trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục như ít thời gian dành cho HS thực hành sử dụng kỹ năng, hay thiếu cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục,... Trong quá trình tham gia hoạt động, học sinh tích cực, tuy nhiên kết quả chưa cao. Có các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 như bản thân học sinh, nhà trường, sự phối hợp của gia đình trong giáo dục, thực hành của các em.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong nghiên cứu đề tài, chúng tôi sử dụng khái niệm: Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh tiểu học là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục tới người được giáo dục nhằm hình thành nhằm hình thành và phát triển học sinh tiểu học những hiểu biết (Khả năng nhận biết nguy trở thành nạn nhân của một vụ bắt cóc), từ đó hình thành thái độ đúng đắn, hình thành kỹ năng nhận diện, hành vi ứng xử phù hợp để phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc.

Việc giáo dục đảm bảo an toàn nói chung, kỹ năng phòng tránh bắt cóc nói riêng được thực hiện lồng ghép, tích hợp trong hầu hết các hoạt động ở trường Tiểu học, trong đó chủ yếu là hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo chuyên đề.

Giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh ở trường Tiểu học là rất cần thiết và quan trọng. Để thực hiện việc giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho học sinh ở trường Tiểu học có hiệu quả cần phải thực hiện bằng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau phù hợp điều kiện, đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, các yêu cầu, nguyên tắc và quy trình hình thành kỹ năng.

Qua nghiên cứu thực tiễn giáo dục quá trình giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Ninh Khánh, chúng tôi thấy rằng:

Hầu hết các GV có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3. Việc giáo dục kỹ năng này thực hiện thông qua môn học và hoạt động giáo dục kỹ năng sống. Trong quá trình giáo dục, GV sử dụng các hình thức và biện pháp tạo hứng thú, trang bị kiến thức, hình thành kỹ năng cho học sinh. Giáo viên có gặp một số khó khăn trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục như ít thời gian dành cho HS thực hành sử dụng kỹ năng, hay thiếu cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục,... Trong quá trình tham gia hoạt động, học sinh tích cực, tuy nhiên kết quả chưa cao. Có các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 như bản thân học sinh, nhà trường, sự phối hợp của gia đình trong giáo dục, thực hành của các em. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3.

2. Kiến nghị

- GV tiểu học cần không ngừng tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung, kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ em nói riêng góp phần nâng cao chất lượng.

- Trường Tiểu học cần quan tâm đầu tư trang thiết bị cũng như bổ sung thêm các nguồn học liệu hỗ trợ học tập cho học sinh: đoạn phim, học liệu phục vụ xây dựng tình huống giáo dục và tổ chức thực hành cho học sinh, tạo hứng thú và môi trường sinh động phát huy tính tích cực của học sinh.

- GV cần xây dựng các tình huống đa dạng cho học sinh được thực hành; xây dựng các nhiệm vụ học tập cho học sinh, trong đó, phối hợp với phụ huynh phát huy sự hỗ trợ tạo môi trường học tập, thực hành cho học sinh. Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động, khích lệ, động viên trẻ, khai thác vốn kinh nghiệm của trẻ.

- Cha mẹ học sinh cần phối hợp với nhà trường hỗ trợ các hoạt động học tập, giáo dục, tạo môi trường thực hành, luyện tập cho học sinh tại gia đình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Bình (2013), *Giáo trình Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm TPHCM.
2. Nguyễn Thanh Bình, Lê Thị Thu Hà, Trịnh Thuý Giang (2014), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học sư phạm.
3. Hoàng Hoà Bình (2014/2015/2016), *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học (Tài liệu dành cho giáo viên)*, lớp 1,2,3,4,5, NXB giáo dục.
4. Vũ Dũng (2000), *Tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học xã hội.
5. Đinh Văn Đáng (2006), *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, Nxb Lao động.
6. Bùi Văn Huệ - chủ biên (2008), *Giáo trình tâm lý Tiểu học*, Nxb đại học Sư phạm.
7. Lê Văn Hồng - chủ biên (2008), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Thế Giới.
8. Vũ Thị Hồng (CN đề tài), Vũ Thị Huệ, Đoàn Thị Hoa (2017), *Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường*, Ninh Bình.
9. Nguyễn Công Khanh (2014), *Phương Pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm.
10. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Bùi Thị Thuý Hằng (2010), *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học (tài liệu dùng cho GV tiểu học)*, NXB Đại học Quốc gia Hà nội.
11. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính, Vũ Phương Liên (2010), *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông (tài liệu dùng cho GV tiểu học)*, NXB Đại học Quốc gia Hà nội.
12. PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, TS. Đinh Thị Kim Thoa, TS. Bùi Thị Thuý Hằng, *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*, NXB ĐHQGHN.
13. Nguyễn Thanh Ngân (2017), *Các biện pháp ứng phó với tình huống nguy hiểm*, NXB Thông tin và truyền thông.
14. Lê Bích Ngọc (2013), *Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. Hoàng Phê - chủ biên (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, NXB Đà Nẵng- Trung tâm từ điển học.

16. Nguyễn Xuân Thúc - chủ biên (2008), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.
17. Nguyễn Thị Thịnh, Nguyễn Bắc Tuân (Đồng chủ biên), Phạm Thị Trúc, Nguyễn Thị Thanh Hải (2022), *Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học* (sách chuyên khảo), NXB Thế giới.
18. UNESCO: *Kỹ năng sống - cầu nối tới khả năng con người*. Tiểu ban giáo dục UNESCO-2003. (Life skills - The bridge to Human Capabilites).
19. Nguyễn Quang Uân - chủ biên (2008), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.
20. *Các báo cáo tại Hội thảo về giáo dục kỹ năng sống ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương* tổ chức vào tháng 10 năm 2003 tại Bangkok - Thái Lan.
21. Đề tài nghiên cứu khoa học “*Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4 trường Tiểu học Tự Cường*” Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
22. *Khung chương trình giáo dục kỹ năng sống Big Ben* (2022), Thanh Hoá, Công ty TNHH đầu tư và phát triển giáo dục Bigben.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN GIÁO VIÊN

(Dành cho giáo viên đã và đang dạy lớp 3)

Để phục vụ cho việc nghiên cứu về thực trạng giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 trường tiểu học Ninh Khánh, trên cơ sở đó tìm ra biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3, xin Thầy (Cô) vui lòng cho biết ý kiến về một số vấn đề dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống hoặc trả lời ngắn vào chỗ chấm.

Câu 1: Thầy (cô) đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của việc giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3?

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Không cần thiết

Lý do:.....

Câu 2: Theo Thầy (cô), giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 được thực hiện thông qua các môn học và hoạt động giáo dục nào?

- ☐ Tiếng Việt
- ☐ Đạo đức
- ☐ Hoạt động trải nghiệm
- ☐ Giáo dục kỹ năng sống
- ☐ Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Môn học/hoạt động khác:.....

Câu 3: Theo Thầy (cô), các điều kiện cần có để thực hiện giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh ở trường tiểu học là gì?

- ☐ Chương trình
- ☐ Sách giáo khoa, hệ thống học liệu
- ☐ Đội ngũ giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng
- ☐ Cơ sở vật chất phục vụ học tập
- ☐ Môi trường cho học sinh thực hành
- ☐ Sự phối hợp các lực lượng giáo dục
- ☐ Tính tích cực của học sinh
- ☐ Sự ủng hộ của gia đình, cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp,...

Điều kiện khác:.....

Câu 4: Thầy (Cô) thường sử dụng quy trình/các bước nào để giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3?

.....
.....

Câu 5: Thầy (Cô) thường sử dụng các biện pháp nào để gây hứng thú trong giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3?

TT	Mức độ sử dụng	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ
	Các biện pháp			
1	Tổ chức hoạt động khởi động tạo ấn tượng, cảm xúc vui vẻ			
2	Sử dụng các trò chơi			
3	Khai thác kinh nghiệm đã có của học sinh			
4	Tạo tình huống kích thích học sinh tìm các giải pháp hoặc thực hiện kỹ năng thực hành			
5	Phối hợp nhiều phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động linh hoạt			
6	Sử dụng phim minh họa			
7	Tổ chức cho học sinh tự nhận xét và nhận xét bạn trong các hoạt động			
8	Khích lệ, động viên học sinh			

Biện pháp khác:.....

Câu 6: Những mục tiêu giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 là gì?

- ☐ Trang bị cho HS nhận thức về nguy cơ trở thành nạn nhân của bắt cóc
- ☐ Bồi dưỡng, hình thành thái độ đúng đắn về sự cần thiết phải học tập, rèn luyện kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh
- ☐ Rèn luyện hình thành hành vi thói quen phòng tránh bị bắt cóc
- ☐ Phát triển phẩm chất năng lực cho học sinh (học sinh vận dụng kiến thức đã học để đảm bảo an toàn cho bản thân)

Mục tiêu khác:.....

Câu 7: Các hình thức giáo dục phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3 thầy/cô thường sử dụng?

TT	Mức độ	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ
	Hình thức			
1	Tham quan			
2	Cắm trại			
2	Trò chơi			
3	Hoạt động câu lạc bộ			
4	Trao đổi/Thảo luận			
5	Sân khấu hóa (đóng kịch)			
6	Lao động công ích			
7	Các hoạt động xã hội/tình nguyện			
8	Hoạt động chiến dịch			
9	Hội thi/cuộc thi			
10	Sinh hoạt tập thể (múa, hát)			
11	Hoạt động tình nguyện			

Hình thức khác:

Câu 8: Thái độ của học sinh biểu hiện như thế nào khi học kỹ năng phòng tránh bắt cóc?

TT	Mức độ	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ
	Hình thức			
1	Rất vui (thích, hài lòng)			
2	Bình thường			
3	Không thích			
4	Chán			

Thái độ khác:

Câu 9: Mức độ đạt được ở học sinh sau khi học kỹ năng phòng tránh bắt cóc biểu hiện như thế nào?

TT	Mức độ	Tốt/ Cao	Đạt/ Trung bình	Chưa đạt/ Thấp
	Hình thức			
1	Hiểu những nguy cơ dễ bị bắt cóc: nơi nguy hiểm, người có thể gây nguy hiểm			
2	Nhận diện được nguy cơ/tình huống dễ bị bắt			

	cóc: nơi nguy hiểm, người có thể gây nguy hiểm			
3	Biết cách phòng tránh bắt cóc			
4	Thực hiện được các kỹ năng phòng tránh bắt cóc GV đã hướng dẫn: khi ở nhà một mình không mở cửa cho người lạ vào, không nghe theo, đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ, không đi ra cổng trường một mình khi bố mẹ đến đón muộn, không đi học quá sớm,...			
5	Biết được những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận			
6	Nhận diện được những người có thể gây nguy hiểm			
7	Nhận diện được những nơi nguy hiểm			
8	Trình bày được cách phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc			
9	Trình bày được các chiến thuật, kỹ thuật thoát hiểm khi bị bắt cóc (4 chiến thuật)			
10	Có khả năng vận dụng hiểu biết và kỹ năng đã học trong học tập, sinh hoạt, vui chơi			

Câu 10: Mức độ tích cực của HS trong học tập, rèn luyện kỹ năng phòng tránh bắt cóc biểu hiện như thế nào?

TT	Biểu hiện	Mức độ		
		Tốt/ Cao	Đạt/ TB	Chưa đạt/ Thấp
1	Khả năng tập trung chú ý của học sinh trong hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc (nhận thức)			
2	Sẵn sàng giải quyết được các nhiệm vụ học tập			
3	Tích cực tham gia hoạt động			
4	Thực hiện các hành vi/hoạt động theo hướng dẫn			

5	Có khả năng hợp tác trong làm việc nhóm			
6	Có khả năng vận dụng hiểu biết, kỹ năng trong giải quyết tình nhiệm vụ theo yêu cầu của GV			
7	Có khả năng sáng tạo trong giải quyết các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên			

Biểu hiện khác:

Câu 11: Thầy (Cô) thường gặp khó khăn gì trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3?

TT	Mức độ Khó khăn	Khó khăn	Bình thường	Ít khó khăn
1	Thiếu nguồn tài liệu			
2	Thiếu kiến thức, kỹ năng cơ bản về lĩnh vực này.			
3	Lúng túng trong việc sử dụng các biện pháp giáo dục			
4	Thiếu cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục, tài liệu trực quan: mô hình, băng đĩa,...			
5	Khó khăn trong việc phối hợp với phụ huynh.			
6	Ít được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên sâu			
7	Thiếu thời gian để hoàn thành mục tiêu tiết học			
8	Số lượng học sinh trong lớp đông.			
9	Sự bền vững, tập trung chú ý của học sinh hạn chế			
10	Ít thời gian dành cho trẻ thực hành sử dụng kỹ năng			
11	Phụ thuộc vào tài liệu, học liệu được cung cấp			

Khó khăn khác:

.....

Câu 12: Thầy (Cô) vui lòng cho biết những kinh nghiệm (biện pháp) để gây để nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng phòng tránh bắt cóc cho học sinh lớp 3?

.....
.....
Xin Thầy (Cô) vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân:

Họ và tên: (có thể ghi hoặc không)

Số năm công tác trong ngành tiểu học:

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Thầy (Cô)!

PHỤ LỤC 2

PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH (Dành cho học sinh lớp 3)

Em hãy trả lời phiếu bằng cách viết thêm vào chỗ chấm hoặc đánh dấu (X) vào ô trống.

Câu 1: Em được học kỹ năng phòng tránh bắt cóc trong các môn học và hoạt động giáo dục nào dưới đây ?

- ☐ Tiếng Việt
- ☐ Đạo đức
- ☐ Hoạt động trải nghiệm
- ☐ Giáo dục kỹ năng sống
- ☐ Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Môn học/hoạt động khác:

.....

Câu 2: Em được tham gia các hoạt động nào khi học kỹ năng phòng tránh bắt cóc ?

- ☐ Nghe cô giáo giảng, giải thích
- ☐ Được xem phim, video về phòng tránh bắt cóc
- ☐ Được quan sát cô làm mẫu các kỹ thuật, chiến thuật thoát hiểm (hoặc người làm mẫu trong phim)
- ☐ Được cô giáo hướng dẫn làm theo
- ☐ Được thực hành, luyện tập
- ☐ Được tự nhận xét
- ☐ Được nhận xét, đánh giá bạn
- ☐ Được các bạn nhận xét, đánh giá
- ☐ Được cô giáo nhận xét, đánh giá

Câu 3: Em được học giáo dục phòng tránh bắt cóc thông qua hình thức nào ?

TT	Hình thức	Lựa chọn của em
1	Tham quan	
2	Cắm trại	

3	Trò chơi	
4	Hoạt động câu lạc bộ	
5	Trao đổi/Thảo luận	
6	Sân khấu hóa (đóng kịch)	
7	Lao động công ích	
8	Các hoạt động xã hội/tình nguyện	
9	Hoạt động chiến dịch	
10	Hội thi/cuộc thi	
11	Sinh hoạt tập thể (múa, hát)	
12	Hoạt động tình nguyện	

Câu 4: Em cảm thấy như thế nào khi được học kỹ năng phòng tránh bắt cóc?

TT	Thái độ	Lựa chọn của em
1	Rất vui, thích	
2	Bình thường	
3	Không thích	
4	Chán	

Câu 5: Sau khi học kỹ năng phòng tránh bắt cóc em học được những gì?

TT	Nội dung	Lựa chọn của em
1	Hiểu những nguy cơ dễ bị bắt cóc: nơi nguy hiểm, người có thể gây nguy hiểm	
2	Nhận diện được nguy cơ/tình huống dễ bị bắt cóc: nơi nguy hiểm, người có thể gây nguy hiểm	
3	Biết cách phòng tránh bắt cóc	
4	Thực hiện được các kỹ năng phòng tránh bắt cóc cô giáo đã dạy: khi ở nhà một mình không mở cửa cho người lạ vào, không nghe theo, đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ, không đi ra cổng trường một mình khi bố mẹ đến đón muộn, không đi học quá sớm	

Câu 6: Sau khi học kỹ năng phòng tránh bắt cóc em biết được những gì?

STT	Nội dung	Lựa chọn của em
1	Biết được những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận	
2	Nhận diện được những người có thể gây nguy hiểm	
3	Nhận diện được những nơi nguy hiểm	
4	Trình bày được những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận	
5	Trình bày được cách phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc	
6	Trình bày được các chiến thuật, kỹ thuật thoát hiểm khi bị bắt cóc (4 chiến thuật)	
7	Thực hành được các kỹ thuật thoát hiểm	
8	Vận dụng được các kỹ thuật thoát hiểm trong tình huống giả định	
9	Áp dụng được các cách phòng tránh bắt cóc khi ở nhà một mình, khi ở trường trước và sau giờ học	

Câu 7: Em có nguyện vọng gì muốn nói với cô giáo khi học kỹ năng phòng tránh bắt cóc?

.....

Họ và tên học sinh.....Lớp

Cô chân thành cảm ơn em!

PHỤ LỤC 3

BÀI TẬP KHẢO SÁT HỌC SINH

* *Mục đích:* Đánh giá khả năng nhận thức của học sinh về nguy cơ trở thành nạn nhân của vụ bắt cóc; Thái độ của học sinh về những vụ bắt cóc, hậu quả của bắt cóc và biểu hiện hành vi của học sinh khi gặp tình huống có nguy cơ trở thành nạn nhân của vụ bắt cóc.

* *Chuẩn bị:* Hệ thống câu hỏi, hướng dẫn đánh giá học sinh.

* *Cách tiến hành:* Người nghiên cứu/giáo viên nêu câu hỏi yêu cầu để học sinh trả lời, nếu tình huống giả định để học sinh ứng xử.

NỘI DUNG:

- **Câu hỏi phỏng vấn** (sử dụng các câu hỏi sau):

1. Để đảm bảo an toàn cho bản thân em nên tránh những nơi như thế nào?
2. Có nên đi học quá sớm không? Để tránh bị bắt cóc em nên làm gì?
3. Khi tan trường mà bố mẹ em chưa đến đón, em có nên đi theo người lạ về không? Vì sao?
4. Khi phát hiện có người lạ gõ cửa khi em ở nhà một mình, em sẽ làm gì?
5. Khi có người lạ đi theo em khi em đang đi một mình, em nên ứng phó như thế nào?
6. Làm thế nào để tìm được bố mẹ nếu chẳng may em bị lạc trong đám đông?
7. Khi ở nhà một mình em sẽ làm gì?
8. Có nên mở cửa cho người lạ vào nhà không?
9. Có nên đi chơi 1 mình/ đi tối 1 mình không? Vì sao?
10. Em có nhớ địa chỉ nhà, tên bố, mẹ, số điện thoại người thân không?

- **Tình huống giả định:**

- + Em đang chờ mẹ ở cổng trường thì có một cô lạ mặt đến nói là bạn của mẹ, hôm nay cô đến đón hộ mẹ. Em thể hiện cách xử lý như thế nào?
- + Em đang trên đường đi học về thì bất ngờ bị người lạ kéo tay đi. Em sẽ làm gì, hãy thể hiện bằng hành động cụ thể.
- + Em đang ở nhà một mình, có người gọi em mở cửa để sửa điện, em sẽ làm gì?

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG NHẬN THỨC,

THÁI ĐỘ, HÀNH VI CỦA TRẺ ĐỐI VỚI NHỮNG VẬT NGUY HIỂM

Họ và tên học sinh:.....Lớp:.....

Ngày:..... Người thực hiện:.....

TT	Nội dung	Điểm		Ghi chú
		Tối đa	Thực đạt	
1	<i>Nhận thức của học sinh về phòng tránh bắt cóc trẻ em</i>	4		
	+ Ý nghĩa của việc nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, khi gặp người lạ/Những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận (kể từ 2 nguy hiểm trở lên)	1		
	+ Những tình huống nguy hiểm cần được trợ giúp (kể được 2 tình huống nguy hiểm).	1		
	+ Cách phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc (kể từ 2 cách phòng tránh) hoặc các chiến thuật thoát hiểm (kể được 2 chiến thuật trở lên)	1		
	+ Mối nguy hiểm khi đến gần, xem, ... những nơi hoặc hành động nguy hiểm đó (kể được từ 2 nguy hiểm)	1		
2	<i>Thái độ của học sinh</i>	4		
	+ Thái độ trong tìm hiểu để nhận diện và luôn có ý thức phòng tránh bị bắt cóc ở nơi nguy hiểm.	1		
	+ Tỏ thái độ phù hợp khi tiếp xúc với người lạ.	1		
	+ Bày tỏ thái độ không đồng tình với người thực hiện hành động nguy hiểm.	1		
	+ Bày tỏ thái độ đồng cảm với người bị nạn, cảm phục người giúp đỡ.	1		
3	<i>Phản ứng hành vi của học sinh khi nghe, nhìn, xem, tiếp xúc.... Tình huống có nguy cơ bị bắt cóc.</i>	4		
	Trẻ thể hiện được các cách thức phòng tránh bắt cóc khi gặp nguy hiểm:	1		
	+ Có hành động tự vệ: kể được 3 hành động phù hợp (kêu cứu, vùng vẫy, gọi người giúp đỡ, la hét, kêu cứu, bỏ chạy, nhờ người giúp đỡ, tự xử lý, chờ đợi, che giấu ...)	1		
	+ HS biết không tự ý đi theo người lạ; nhờ người	1		

	lớn giúp; học cách ứng phó, tự vệ. + Không đến gần, báo cho cô giáo, người lớn khi thấy những hành động nguy hiểm ở chỗ mình sinh hoạt. + Nhắc nhở bạn bè biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm hoặc cảnh giác với người lạ.	1		
Σ		12		

PHỤ LỤC 4

TIẾT 57. PHÒNG TRÁNH BẮT CỐC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- HS trình bày được nhưng nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận
- HS trình bày được cách phòng tránh nguy cơ khi bị bắt cóc.
- HS trình bày được các chiến thuật thoát hiểm: 4 hành động

2. Kỹ năng:

- HS thực hành đóng vai xử lý tình huống khi có nguy cơ bị bắt cóc
- HS thực hành xử lý khi có người lạ lôi/kéo đi.

3. Thái độ:

- Bình tĩnh, thông minh, nhanh trí để xử lý tình huống
- Thận trọng, cẩn thận đề phòng.

II. NỘI DUNG

- Những nguy cơ khi bị người lạ tiếp cận
- Cách phòng tránh bị bắt cóc
- Chiến thuật thoát hiểm: 4 hành động.

III. PHƯƠNG PHÁP

- Tổ chức trò chơi
- Thảo luận nhóm
- Đóng kịch xử lý tình huống
- Video clip

IV. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Máy chiếu, loa
- Kính đen, râu
- Tài liệu tham khảo về kỹ năng sống

V. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)	

- GV tổ chức trò chơi: “Nhìn nhanh – Nhớ đúng”. - GV phổ biến luật chơi và cách chơi - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia chơi - HS lắng nghe
Hoạt động 2: hoạt động phân tích tình huống chủ đề (10 phút) - Mục tiêu: HS trình bày được cách phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc - Cách tiến hành:	
- GV chiếu cho HS xem video: “Heri và Shine bị bắt cóc” và tổ chức cho HS tham gia hoạt động: “Thử tài siêu nhí” - GV phổ biến hoạt động - GV tổ chức cho HS tham gia <i>Hệ thống câu hỏi:</i> Câu 1: Em đi chơi công viên, trong lúc ngồi đợi mẹ mua nước, có người lạ đến cho em cây kem, em nên làm gì? A. Nhận cây kem và ăn ngay B. Từ chối và không nhận kem C. Hồ hoán thật to: Bắt cóc, bắt cóc Câu 2: Em đang đi trên đường, có người lạ đi xe máy chạy tới và muốn đưa em về nhà. Em nên làm gì? A. Lên xe đi cho nhanh B. Từ chối và không lên xe C. Dừng lại hỏi rõ trước khi lên xe Câu 3: Em đang đợi mẹ ở cổng trường, có người lạ nhờ em cầm giúp món đồ sang bên kia đường. Em nên làm gì? A. Im lặng không nói gì B. Chuyển đồ giúp họ C. Xin lỗi họ vì không thể giúp được Câu 4: H đang đợi mẹ ở cổng trường. Có một cô nói là bạn của mẹ 11 và đến đón H giúp mẹ. H nên làm gì?	- HS xem video - HS lắng nghe HS trả lời: Câu 1: đáp án B Câu 2: đáp án B Câu 3: đáp án C Câu 4: đáp án C

A. Lên xe đi ngay B. Hỏi rõ trước khi lên xe. C. Từ chối không đi Câu 5: Em đang đi trên đường, có người là cầm tay và lôi em đi, con nên làm gì? A. Vùng vẫy mạnh hộ hoàn thật to B. Im lặng và giặt tay lại C. Khóc thật to Câu 6: Khi bị lạc, em nên làm gì? A. Khóc to B. Nhờ bất kỳ ai đó giúp C. Tìm người dân tin giúp - GV đặt câu hỏi cho HS: Để phòng tránh bắt cóc, em cần làm gì? - GV nhận xét và rút ra kết luận	Câu 5: đáp án A Câu 6: đáp án C - HS trả lời: + Luôn chơi ở chỗ đông người cùng người lớn + Không nhận đồ của người lạ. + Không được đi theo người lạ. + Nếu lạc bố mẹ cần nhờ những người tin cậy (bảo vệ, công an) giúp đỡ.
Hoạt động 3: Hoạt động thực hành (8 phút) Mục tiêu: - HS trình bày được những nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận. - HS trình bày được các chiến thuật thoát hiểm: 4 hành động. Cách tiến hành:	
- GV đặt câu hỏi: Khi bị người lạ tiếp cận, em sẽ gặp nguy hiểm gì? - GV trình chiếu slide, HS tìm hiểu chiến thuật thoát hiểm. - GV mời 8 HS lên thực hiện lại các chiến thuật thoát hiểm. + Phân vai: 1 HS đóng vai kẻ bắt cóc, 1 HS đóng vai em bé. + Mỗi em thể hiện 1 chiến thuật thoát	- HS trả lời - HS quan sát - HS thực hành

hiêm + GV chuẩn bị kính và râu để đóng vai kẻ xấu - GV kết luận.	- HS lắng nghe
Hoạt động 4: Hoạt động trải nghiệm (10 phút) - Mục tiêu: HS thực hành xử lý tình huống. - Cách tiến hành:	
- GV phổ biến hoạt động: Giải quyết tình huống bằng cách đóng vai. - GV mời HS lên đóng vai + Tình huống 1: My đang ngồi trong công viên chờ mẹ đi mua nước. Có người lạ đến mua cho My chai nước và rủ My đi chơi. Nếu em là My, em sẽ làm gì? + Tình huống 2: Nam đang đi chơi ngoài ngõ thì có một người lạ mặt đi xe máy đến và nói: “A! Đứng đũa ăn cắp đây rồi” và kéo Nam lên xe, Nam nên làm gì? - GV kết luận.	- HS lắng nghe phổ biến hoạt động. - HS thực hành giải quyết tình huống. - HS lắng nghe.
Hoạt động tiếp nối (2 phút): - GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học. - HS về nhà chia sẻ với ông bà, bố mẹ, anh chị em cách phòng tránh bắt cóc. - GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS và nhắc nhở HS chưa tích cực.	

TIẾT 58. PHÒNG TRÁNH BẮT CÓC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- HS trình bày được nhưng nguy hiểm khi bị người lạ tiếp cận
- HS trình bày được cách phòng tránh nguy cơ khi bị bắt cóc.
- HS trình bày được các chiến thuật thoát hiểm: 4 hành động

2. Kỹ năng:

- HS thực hành đóng vai xử lý tình huống khi có nguy cơ bị bắt cóc
- HS thực hành xử lý khi có người lạ lôi/kéo đi.

3. Thái độ:

- Bình tĩnh, thông minh, nhanh trí để xử lý tình huống
- Thận trọng, cẩn thận đề phòng.

II. NỘI DUNG

- Những nguy cơ khi bị người lạ tiếp cận
- Cách phòng tránh bị bắt cóc
- Chiến thuật thoát hiểm: 4 hành động.

III. PHƯƠNG PHÁP

- Tổ chức trò chơi
- Thảo luận nhóm
- Đóng kịch xử lý tình huống
- Video clip

IV. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Máy chiếu, loa
- Kính đen, râu
- Tài liệu tham khảo về kỹ năng sống

V. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
Hoạt động: Khởi động (5 phút)	
GV tổ chức trò chơi: “ <i>Bức tranh bí ẩn</i> ”. - GV phổ biến luật chơi và cách chơi - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia chơi - HS lắng nghe

Hoạt động 1: Hoạt động phân tích tình huống chủ đề (10 phút) - Mục tiêu: HS trình bày được các chiến thuật thoát hiểm khi có nguy cơ bị bắt cóc - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu cho HS 4 chiến thuật - GV mời HS lên bảng thực hiện các chiến thuật - GV kết luận Thông điệp: <i>Mỗi chúng ta cần tự trang bị cho mình kỹ năng thoát hiểm để tự bảo vệ bản thân trước tình huống nguy hiểm</i>	- HS lắng nghe quan sát - HS quan sát GV làm mẫu - HS lắng nghe
Hoạt động 2: Hoạt động thực hành (10 phút) Mục tiêu: - HS thực hành xử lý tình huống Cách tiến hành:	
- GV phổ biến hoạt động: Giải quyết tình huống bằng cách đóng vai. (HĐ theo nhóm) - GV mời HS lên đóng vai + Tình huống 1: Hải đang trên đường đi học về thì bất ngờ bị người lạ kéo tay đi. Theo em, Hải nên làm gì trong tình huống này? + Tình huống 2: Linh đang chờ mẹ ở cổng trường thì có một cô lạ mặt đến nói là bạn của mẹ, hôm nay cô đến đón Linh hộ mẹ. Theo em, Linh nên xử lý như thế nào? - GV kết luận. Thông điệp: <i>“Không nói chuyện, không đi theo hoặc nhận đồ của người lạ. Nếu có ai đó không quen biết tìm cách hỏi chuyện, cho quà, phải chạy ngay lập tức và kể lại ngay sự việc cho bố mẹ... Đó là những</i>	- HS quan sát - HS thực hành - HS lắng nghe

<i>cách để phòng tránh bắt cóc”</i>	
Hoạt động 3: Hoạt động trải nghiệm (10 phút) - Mục tiêu: Ghi nhớ những người đáng tin và số điện thoại cần gọi khi thấy mình gặp nguy hiểm và khi chạy thoát khỏi kẻ bắt cóc. - Cách tiến hành:	
- GV nhắc HS chuẩn bị: + Đồ dùng: Giấy trắng, bút chì, bút màu + Vẽ hình bàn tay giữa tờ giấy - Thực hành: Chuẩn bị 5 số điện thoại người mình tin tưởng nhất (5 phút). Ghi lại thông tin của họ, điền vào chỗ trống của 5 ngón tay. - Cho HS báo cáo. GV nhận xét, kết luận: Thông điệp: <i>“Không có gì quan trọng hơn an toàn của bản thân, vì thế các em cần chuẩn bị cho mình những thói quen, kiến thức, kỹ năng để tự bảo vệ mình”</i>	- HS chuẩn bị những thứ GV đề xuất - HS làm nhóm -HS báo cáo, lắng nghe
Hoạt động tiếp nối (2 phút): -GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học. -GV yêu cầu HS hô to khẩu hiệu: “NÓI KHÔNG VỚI NGƯỜI LẠ”. -HS về nhà chia sẻ với ông bà, bố mẹ, anh chị em cách phòng tránh bắt cóc. -HS về nhà cùng anh chị em trong gia đình, bạn bè của mình thực hành lại các chiến thuật thoát hiểm đã được học. -GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực và nhắc nhở HS chưa chú ý cần cố gắng hơn. -GV chào và hẹn gặp lại HS vào tiết học sau	